



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ TÂN AN

Địa chỉ: Số 8, Tỉnh lộ 827, Phường 7, Thành phố Tân An, Tỉnh Long An

Số điện thoại: (0272) 3826 127

Số Fax: (0272) 3838 900

Website: www.tapuco.com



2019



**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ TÂN AN

MỤC LỤC

TAPUCO - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019

1

THÔNG TIN CHUNG

03

2

TÌNH HÌNH
HOẠT ĐỘNG NĂM 2019

19

3

BÁO CÁO CỦA
BAN GIÁM ĐỐC

33

4

ĐÁNH GIÁ CỦA
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

47

5

QUẢN TRỊ CÔNG TY

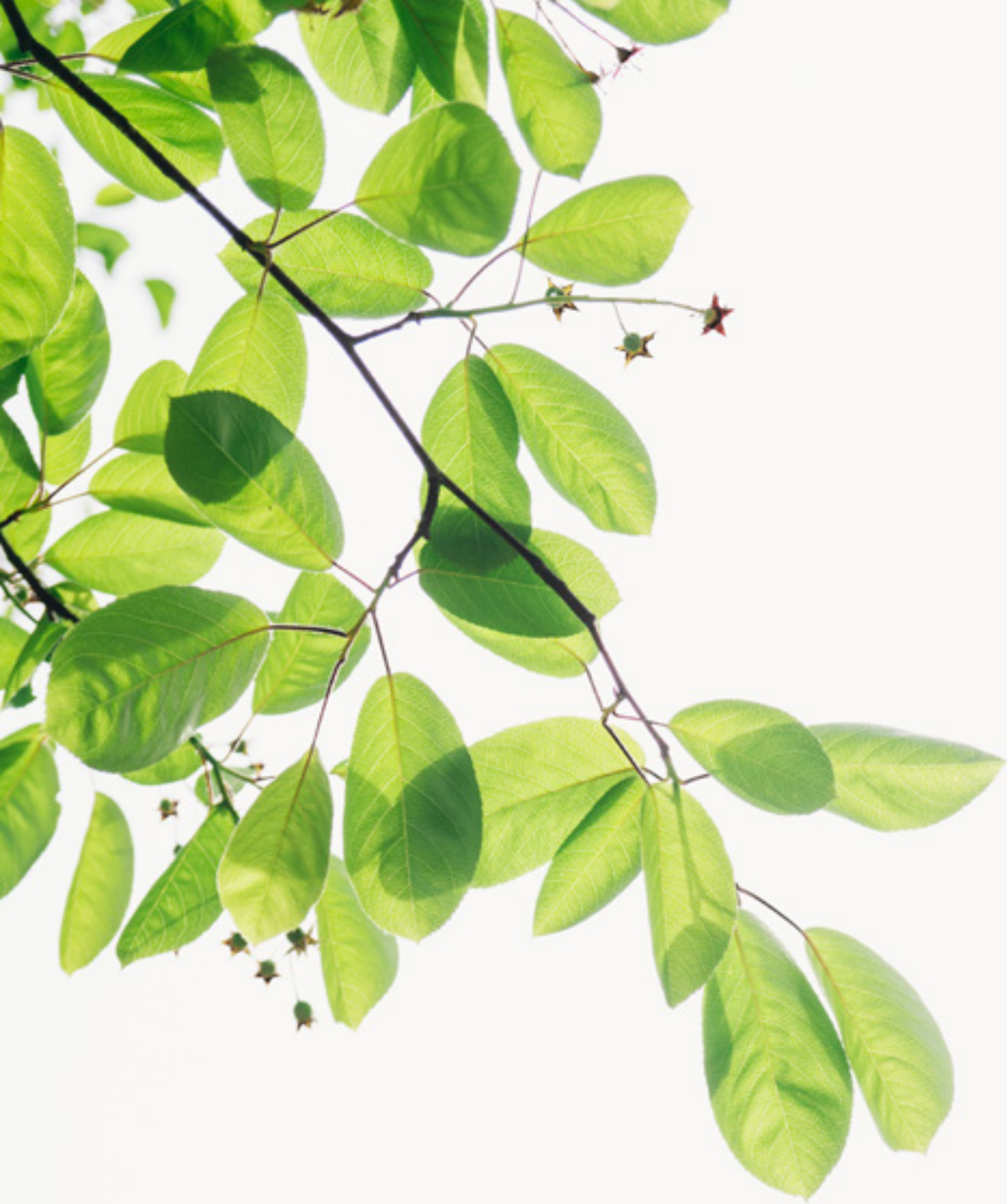
53

6

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
KIỂM TOÁN NĂM 2019

61





Thông tin chung

Thông tin khái quát	05
Quá trình hình thành và phát triển	07
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	09
Định hướng phát triển	11
Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức	13
Các rủi ro	15



Thông tin khái quát



Tên Công ty	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ TÂN AN
Tên viết tắt	TAPUCO
Tên Tiếng Anh	TAN AN PUBLIC SERVICES JOINT - STOCK COMPANY
Mã cổ phiếu	TAP
Vốn điều lệ	14.167.000.000 đồng
Trụ sở chính	Số 8, Tỉnh lộ 827, Phường 7, Thành phố Tân An, Tỉnh Long An
Điện thoại	(0272) 3826 127
Fax	(0272) 3838 900
Email	congtrinhdothitanan@yahoo.com.vn
Website	www.tapuco.com
Giấy chứng nhận ĐKDN	1100209487 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An đăng ký lần đầu ngày 03/11/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 23/11/2015



Quá trình hình thành và phát triển

Ngày 27/11/2006: Công ty Công trình Đô thị Tân An được chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Công trình Đô Thị Tân An theo quyết định số 2875/QĐ- UBND của Ủy ban nhân dân Tỉnh Long An với số vốn điều lệ hoạt động là 14.167.000.000 đồng (mười bốn tỷ một trăm sáu mươi bảy triệu đồng).

2006

Ngày 10/12/2015: Công ty chính thức trở thành Công ty đại chúng (thông qua văn bản số 7660/UBCK-QLPH ngày 10/12/2015 của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước). Công ty thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ tư ngày 25/3/2015 với số vốn điều lệ không đổi 14.167.000.000 đồng (Mười bốn tỷ một trăm sáu bảy triệu đồng).

2015

Công ty vẫn duy trì tốt các hoạt động kinh doanh đã đăng ký, đồng thời từ tháng 4/2017 được UBND Thành phố Tân An giao công tác thu giá dịch vụ thu gom rác thải sinh hoạt trên địa bàn thành phố, là yếu tố thúc đẩy doanh thu của Công ty trong tương lai.

2017

2009-2013

Ngày 23/02/2009: Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Tân An được chuyển đổi thành Công ty cổ phần Đô thị Tân An theo quyết định số 513/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Tỉnh Long An về việc phê duyệt phương án chuyển đổi Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Tân An thành công ty cổ phần. Ngày 03/11/2009, Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1100209487 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp, đăng ký lần đầu ngày 03/11/2009, thay đổi lần thứ 1 ngày 06/08/2010; thay đổi lần thứ 2 ngày 14/10/2013, thay đổi lần thứ 3 ngày 17/12/2013.

2016

Ngày 30/08/2016: CTCP Đô thị Tân An được HNX chấp thuận đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM. Ngày 07/09/2016: Hơn 1,41 triệu cổ phiếu TAP của CTCP Đô thị Tân An chính thức giao dịch trên thị trường UPCOM. Ngày 26/10/2016: Công ty thành lập Cửa hàng kinh doanh xăng dầu Công ty Cổ phần Đô thị Tân An.

2019

Căn cứ theo Quyết định 1232/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện thoái vốn giai đoạn 2017-2020. Thực hiện theo chủ trương đó, Ủy ban nhân dân tỉnh Long An đang tiến hành thủ tục thoái vốn tại TAP, tỷ lệ 60% vốn điều lệ tương ứng với 850.020 cổ phần.

HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ

- Thực hiện công tác vệ sinh công cộng, thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt;
- Quản lý hệ thống thoát nước đô thị, nghĩa địa;
- Quản lý và thi công xây dựng công viên, cây xanh;
- Quản lý và thi công hệ thống đèn chiếu sáng công cộng;
- Xây lắp dân dụng và xây dựng cơ sở hạ tầng;
- Kinh doanh hoa kiểng và cây xanh các loại;
- Chăm sóc cây cảnh, sân vườn;
- Sửa chữa xe chuyên dùng;
- Kinh doanh xăng dầu.



HOẠT ĐỘNG THI CÔNG LẮP RÁP

- Thi công lắp ráp;
- Trồng cây xanh, cỏ công viên và đường phố;
- Lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng công cộng;
- Hệ thống thoát nước đô thị;
- San lắp dân dụng và xây dựng cơ sở hạ tầng.



Thành phố Tân An và các huyện lân cận trực thuộc Tỉnh Long An.





Định hướng phát triển

Mục tiêu chủ yếu



- Đảm bảo hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông đề ra.
- Luôn nỗ lực cung cấp dịch vụ có chất lượng và nhanh chóng nhằm làm hài lòng khách hàng.
- Tập trung nguồn lực hỗ trợ thúc đẩy tiến trình đô thị hóa.
- Trở thành doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực dịch vụ công ích tại địa bàn tỉnh Long An.

Chiến lược phát triển trung & dài hạn

- Sắp xếp và tinh giản bộ máy tổ chức của Công ty theo hướng chuyên môn hóa, để nâng cao hiệu quả hoạt động. Bên cạnh đó, Công ty còn chú trọng công tác tìm kiếm nhân lực mới cùng với đào tạo và sắp xếp nhân sự sao cho đạt hiệu quả cao nhất.
- Tiến hành các hoạt động nghiên cứu thị trường nhằm tìm kiếm những cơ hội kinh doanh mới và thu hút nguồn vốn đầu tư vào công ty.
- Cải thiện và nâng cao cơ sở vật chất kỹ thuật của công ty bằng việc thay mới những trang thiết bị đã lỗi thời, từng bước ứng dụng công nghệ thông tin vào các hoạt động điều hành, quản lý và cung cấp dịch vụ cho khách hàng.



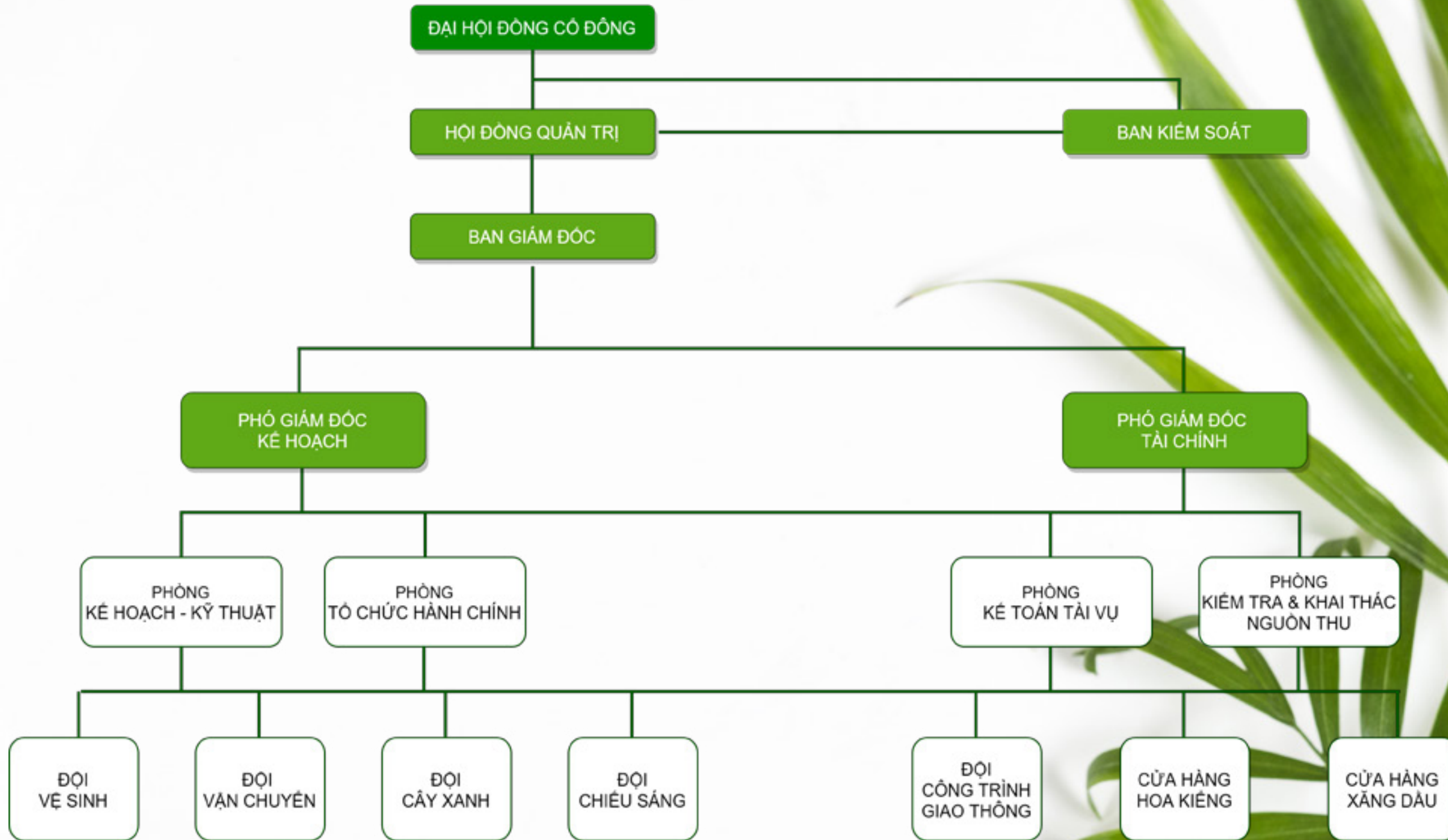
Các mục tiêu phát triển bền vững

- Xây dựng và duy trì vẻ mỹ quan đô thị của tỉnh Long An, từng bước mở rộng địa bàn hoạt động kinh doanh đến các huyện và các tỉnh lân cận.
- Xây dựng những chương trình đào tạo, nâng cao kỹ năng cho cán bộ, viên chức trong công ty.
- Tích cực tổ chức và tham gia các hoạt động tình nguyện, hoạt động Đền ơn đáp nghĩa... để góp phần giúp đỡ và cải thiện đời sống người dân địa phương.
- Nâng cao thu nhập và đời sống của người lao động, mang lại lợi ích tối đa cho các cổ đông.





Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức



Công ty con, Công ty liên kết: Không có

Rủi ro kinh tế

Kinh tế Việt Nam năm 2019 ghi nhận nhiều chỉ số tăng trưởng ấn tượng. Theo số liệu của Tổng cục thống kê, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) năm 2019 tăng 7,02% cao hơn so với mục tiêu đề ra là đề ra là 6,8%. Lạm phát cơ bản bình quân được kiểm soát ở mức thấp là 2,79% và là mức thấp nhất trong 3 năm qua. Bên cạnh đó, tốc độ tăng trưởng kinh tế trong khu vực tỉnh Long An đạt 9,41% và thu nhập bình quân đầu người tăng 7,14 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2018 - đạt 72,67 triệu đồng. Tăng trưởng kinh tế kéo theo sự tăng trưởng của các ngành trong nền kinh tế như bất động sản, xây dựng, quy hoạch đô thị...

Cũng như nhiều doanh nghiệp khác, kết quả kinh doanh của Công ty Cổ phần Đô thị Tân An chịu một số ảnh hưởng nhất định từ các biến động của nền kinh tế Việt Nam. Là doanh nghiệp ngành dịch vụ công ích, kinh tế phát triển là tiền đề quan trọng để Chính phủ ra quyết định đầu tư vốn xây dựng các khu đô thị và cảnh quan hoàn thiện cho các địa phương trong nước. Trong lĩnh vực kinh doanh, tốc độ tăng trưởng kinh tế không chỉ tác động đến đầu vào của hoạt động sản xuất kinh doanh mà còn đến nhu cầu và cơ cấu chi tiêu của người tiêu dùng và chính sách sử dụng nhiên liệu của các doanh nghiệp, từ đó ảnh hưởng trực tiếp đến việc tiêu thụ sản phẩm xăng dầu của Công ty. Ban lãnh đạo Công ty đã giao nhiệm vụ cho các bộ phận thích hợp theo dõi diễn biến nền kinh tế, từ đó xây dựng được chiến lược phát triển dài hạn phù hợp với xu thế phát triển của Tỉnh và Thành phố.



Rủi ro môi trường

Nền kinh tế phát triển, thu nhập của người dân theo đó cũng được cải thiện là một tín hiệu đáng mừng. Tuy nhiên, đi kèm với đó là sự gia tăng số lượng rác thải từ nhiều nguồn, ảnh hưởng xấu đến môi trường thiên nhiên. Thực trạng này đã đặt ra bài toán nan giải cho các cấp ngành chính quyền địa phương tỉnh Long An trong công tác xử lý rác và bảo vệ môi trường.

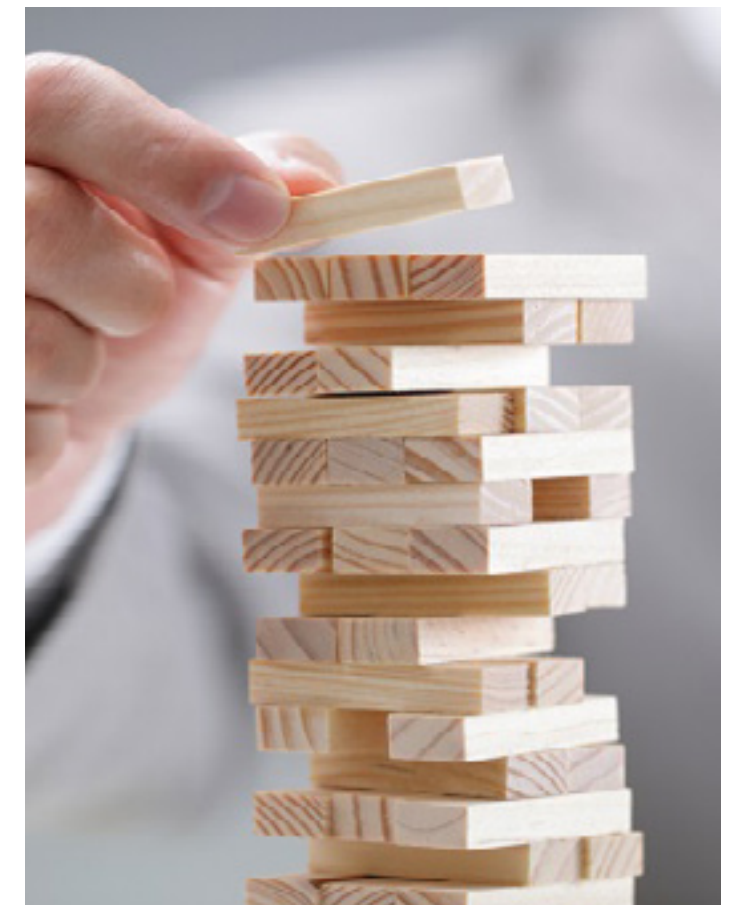
Với hơn 10 năm kinh nghiệm trong các lĩnh vực dịch vụ công ích, thu gom xử lý rác sinh hoạt, quản lý chăm sóc cây xanh, thi công, lắp đặt bảo trì hệ thống đèn chiếu sáng công cộng và quản lý hệ thống thoát nước đô thị... TAP hiểu rõ nhiệm vụ của mình trong việc tạo dựng và duy trì môi trường đô thị xanh, sạch, đẹp. Vì vậy, Công ty luôn chú trọng công tác phân loại rác loại tại nguồn nhằm mục đích

hỗ trợ hiệu quả hơn cho khâu xử lý rác, đến việc nâng cấp trang bị các phương tiện vận tải máy móc giúp nâng cao năng lực hoạt động và tăng diện tích cây xanh tạo thêm những mảng xanh cho thành phố.

Ngoài ra, Công ty hiện đang kinh doanh bán lẻ xăng dầu, mặt hàng tiềm ẩn nhiều nguy cơ cháy nổ và ô nhiễm môi trường. Ý thức được điều đó, TAP luôn hết sức coi trọng đảm bảo an toàn, đề cao công tác bảo vệ môi trường và luôn gắn việc kinh doanh của Công ty song hành với sự phát triển bền vững.

Rủi ro pháp luật

Công ty Cổ phần Đô thị Tân An hoạt động và chịu sự ảnh hưởng từ hệ thống Luật và văn bản dưới luật liên quan như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế, Luật Bảo vệ môi trường, Luật Thương mại, quy định về kinh doanh xăng dầu. Vì vậy, việc thay đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật có ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động của Công ty. Cụ thể, vào tháng 7/2019, Chính phủ ban hành Nghị định số 40/2019/NĐ-CP về việc sửa đổi bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường. Và mới nhất là vào ngày 26/11/2019, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội thông qua và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021. Do đó đòi hỏi Công ty phải có sự tìm hiểu, nghiên cứu và nhanh chóng chuẩn bị nhằm cập nhật các văn bản pháp lý và điều chỉnh định hướng hoạt động trung và dài hạn của Công ty sao cho phù hợp với pháp luật hiện hành.



Rủi ro đặc thù ngành

Lĩnh vực Dịch vụ công ích

Long An nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, là nơi đón đầu xu thế giãn dân của Thành phố Hồ Chí Minh. Thêm vào đó, Ban lãnh đạo tỉnh Long An thi hành chính sách tăng cường thu hút đầu tư vào tỉnh đã thu hút nhiều nhà đầu tư từ các ngành nghề khác nhau quan tâm, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và đầu tư của Tỉnh. Hiện nay trên địa bàn thành phố Tân An đã và đang hình thành một số khu đô thị mới như khu đô thị Green City Long An, khu đô thị ven sông Vàm Cỏ, khu đô thị La Villa Green City... khiến mật độ dân cư các khu vực trung tâm như thành phố Tân An ngày một tăng lên, từ đó nhu cầu về lĩnh vực tiện ích công cộng ngày một tăng cao. Đây là cơ hội rất lớn cho sự tăng

Lĩnh vực Xăng dầu

Hiện tại, Việt Nam vẫn chưa chủ động được nguồn cung xăng dầu, nhập khẩu chiếm phần lớn nguồn cung. Do đó, các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu ở Việt Nam phụ thuộc vào xăng dầu thế giới vốn có mối quan hệ rất mật thiết với những biến động của kinh tế chính trị toàn cầu. Giá xăng trong nước cũng biến động liên tục theo diễn biến tình hình thế giới. Trong năm 2019, Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam đã điều chỉnh 24 lần giá bán xăng dầu, khiến cho hệ thống các doanh nghiệp kinh doanh

trường của Công ty Cổ phần Đô thị Tân An.

Tuy nhiên, mức giá dịch vụ của Công ty phải tuân theo các quy định về định mức đơn giá dịch vụ công ích do UBND tỉnh Long An ban hành, nên doanh nghiệp không thể chủ động về giá thành dịch vụ của mình. Để hạn chế rủi ro này, Ban lãnh đạo Công ty luôn nỗ lực cố gắng đề ra giải pháp tiết giảm hợp lý giá cả của các yếu tố đầu vào và hoạch định chiến lược phát triển hàng năm nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty.

xăng dầu gặp nhiều khó khăn trong việc duy trì ổn định nguồn cung và giá bán sản phẩm. Gần đây, lĩnh vực kinh doanh xăng dầu của Công ty đang chịu sức ép cạnh tranh từ các doanh nghiệp lớn, nhỏ trong và ngoài địa bàn tỉnh Long An. Vì vậy, nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của mình, Công ty đang lên kế hoạch mở rộng chi nhánh đến các khu vực tiềm năng.

Rủi ro khác

Ngoài những rủi ro đã đề cập ở trên, còn nhiều rủi ro mang tính bất khả kháng khác ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty như thiên tai, hỏa hoạn, ô nhiễm môi trường... Đây là những rủi ro hiếm khi xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh. Vì vậy, Công ty luôn chủ động đề phòng và xây dựng các giải pháp ứng phó như: tuyên truyền nâng cao hiểu biết về các biện pháp phòng cháy chữa cháy, thực hiện nghiêm túc các quy định về an toàn lao động nhằm nâng cao ý thức, giảm thiểu thiệt hại về người và của.





Tình hình hoạt động trong năm 2019

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	21
Tổ chức và nhân sự	23
Tình hình tài chính	29
Tình hình cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	31



Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2019/Năm 2018
Tổng giá trị tài sản	38.532	39.439	102,35%
Doanh thu thuần	89.635	103.540	115,51%
Lợi nhuận từ HDKD	5.387	5.213	96,77%
Lợi nhuận khác	36	(31)	-86,61%
Lợi nhuận trước thuế	5.423	5.182	95,55%
Lợi nhuận sau thuế	4.288	4.066	94,83%

Nguồn: BCTC kiểm toán CTCP Đô thị Tân An năm 2018, 2019

Doanh thu thuần năm 2019 đạt 103.540 triệu đồng tăng 15,51% so với cùng kỳ năm ngoái. Năm vừa qua, chi phí vật liệu và chi phí nhân viên quản lý doanh nghiệp tăng cao tương ứng phần nào ảnh hưởng đến kết quả lợi nhuận. Biên lợi nhuận gộp năm 2019 bị giảm dẫn tới lợi nhuận kế toán sau thuế giảm nhẹ 5,17% đạt giá trị 4.066 triệu đồng. Cụ thể, doanh thu chủ lực chính của Công ty đối với các dịch vụ công ích đơn giá giảm bình quân trên 50% so với định mức quy định, các công trình xây dựng cơ bản, dịch vụ kinh doanh khác tuy có doanh thu nhưng lợi nhuận không cao, trong khi đó các khoản chi phí tiền lương, đóng BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ, trợ cấp thôi việc, chế độ làm thêm giờ, nghỉ phép năm, chi phí chung, chi phí nguyên vật liệu, chi phí quản lý tăng trên 10%

so với năm 2018. Với tình hình khó khăn trên, Ban giám đốc Công ty đã có những giải pháp phù hợp với thực tế của Công ty, toàn thể NLD đoàn kết thống nhất, đồng thuận cao, phấn đấu thực hiện tốt nhiệm vụ, góp phần hoàn thành hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019.

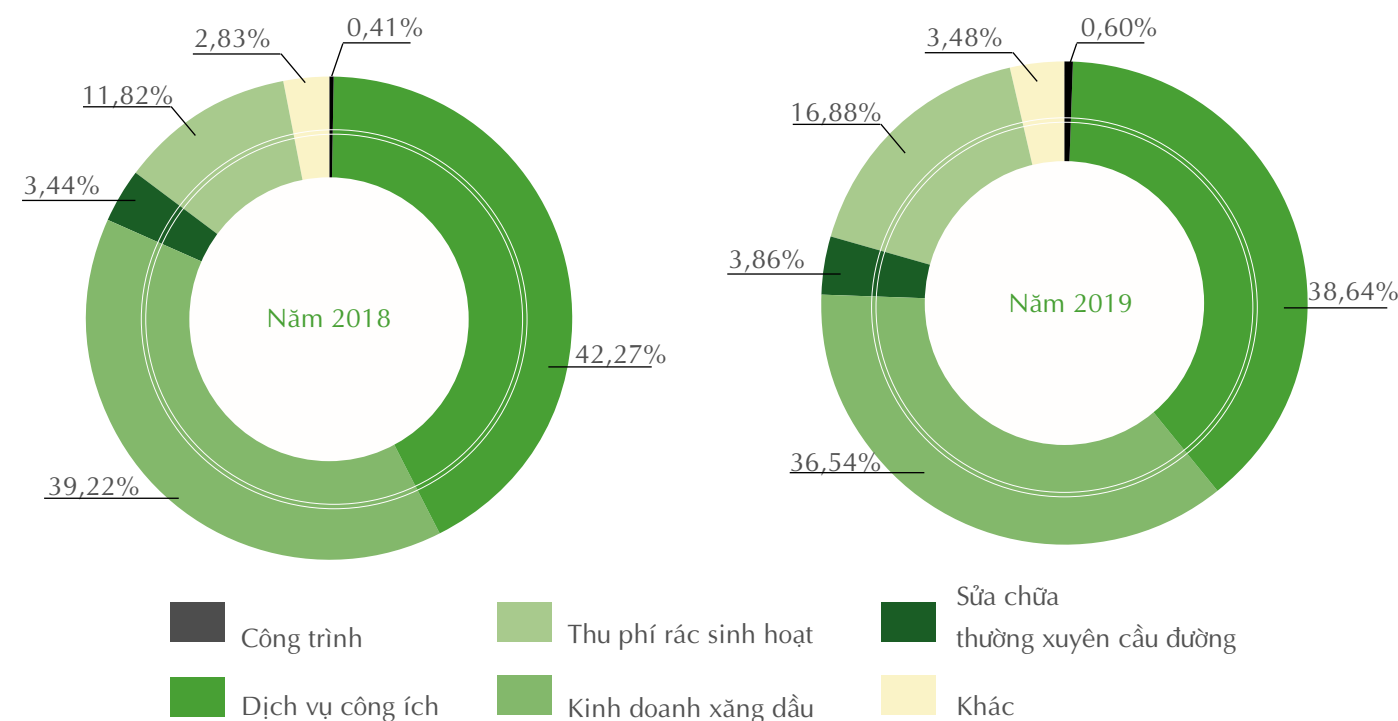


Đơn vị tính: Triệu đồng

Doanh thu	Giá trị Năm 2018	Tỷ trọng Năm 2018	Giá trị Năm 2019	Tỷ trọng Năm 2019	Năm 2019/Năm 2018
Doanh thu công trình	367	0,41%	621	0,60%	169,37%
Doanh thu dịch vụ công ích	37.887	42,27%	40.004	38,64%	105,59%
Doanh thu kinh doanh xăng dầu	35.158	39,22%	37.831	36,54%	107,60%
Doanh thu sửa chữa thường xuyên cầu đường	3.086	3,44%	4.000	3,86%	129,60%
Doanh thu phí rác sinh hoạt	10.597	11,82%	17.481	16,88%	164,96%
Khác	2.539	2,83%	3.601	3,48%	141,84%
Tổng cộng	89.635	100,00%	103.540	100,00%	115,51%

Nguồn: BCTC kiểm toán CTCP Đô thị Tân An năm 2018, 2019

Cơ cấu doanh thu qua các năm



Cơ cấu doanh thu năm 2019 của Công ty không có nhiều thay đổi. Tỷ trọng lớn nhất vẫn là mảng Dịch vụ công ích (38,64%) và kế đến là Kinh doanh xăng dầu (36,54%). Tuy nhiên năm nay ghi nhận sự sụt giảm tỷ trọng của cả 2 mảng hoạt động chính này. Cụ thể, tỷ trọng doanh thu mảng dịch vụ công ích trên doanh thu thuần giảm từ 42,27% xuống còn 38,64%, đạt mức 40.004 triệu đồng năm 2019. Tương tự, doanh thu từ kinh doanh xăng dầu cũng giảm mức đóng góp vào tổng doanh thu từ 39,22% xuống 36,54% vào năm 2019.

Từ năm 2017, TAP có thêm doanh thu từ mảng thu phí rác sinh hoạt và doanh thu từ mảng thu phí rác sinh hoạt đang được tập trung đẩy mạnh và có xu hướng tăng mạnh trong 2 năm gần đây, cụ thể năm 2018 và 2019 lần lượt chiếm tỷ trọng 11,82% và 16,88% trong cơ cấu doanh thu thuần của Công ty.

Ngoài ra, mảng thi công công trình, sửa chữa thường xuyên cầu đường, ngân sách cấp tiền xử lý rác cũng góp một phần nhỏ trong cơ cấu doanh thu của công ty.



Tổ chức và nhân sự

Danh sách Ban điều hành

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Nguyễn Thị Hồng Vy	Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT	71.200	5,03%
2	Nguyễn Minh Nhựt	Phó Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT	1.200	0,085%
3	Nguyễn Thị Ngọc Trúc	Phó Giám đốc kiêm Kế toán trưởng và Thành viên HĐQT	2.000	0,14%



Bà Nguyễn Thị Hồng Vy

Giám đốc

Ngày sinh	1964	10/2006 - 10/2009
Quốc tịch	Việt Nam	
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế	11/2009 - 10/2015
Số lượng cp sở hữu	71.200 cổ phần	
Đại diện phần vốn NN	850.020 cổ phần	11/2015 đến nay

Quá trình công tác

10/1984 - 09/1989	Kế toán tại Phòng Tài chính Thị xã Tân An - Long An
10/1989 - 12/1989	Kế toán tại Văn phòng UBND thị xã Tân An - Long An
01/1990 - 09/2004	Kế toán tại Công ty Công trình Đô thị Tân An
10/2004 - 09/2006	Kế toán trưởng tại Công ty Công trình Đô thị Tân An
10/2006 - 10/2009	Phó giám đốc tại Công ty Công trình Đô thị Tân An
11/2009 - 10/2015	Phó giám đốc tại Công ty cổ phần Đô thị Tân An
11/2015 đến nay	Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT tại Công ty cổ phần Đô thị Tân An

Quá trình công tác

04/2005 - 05/2006	Cán bộ kỹ thuật tại Sở Công nghiệp Tỉnh Long An
06/2006 - 09/2008	Cán bộ kỹ thuật tại Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Tân An
10/2008 - 10/2009	Phó Phòng Kế hoạch kỹ thuật tại Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Tân An
11/2009 - 12/2011	Phó Phòng Kế hoạch kỹ thuật tại Công ty Công trình Đô thị Tân An
01/2012 - 03/2014	Trưởng Phòng Kế hoạch kỹ thuật tại Công ty Công trình Đô thị Tân An
04/2014 đến nay	Phó giám đốc kiêm Thành viên HĐQT tại Công ty Cổ phần Đô thị Tân An



Ông Nguyễn Minh Nhựt

Phó Giám đốc

Ngày sinh	1977
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Đại học Sư phạm Kỹ thuật
Số lượng cp sở hữu	1.200 cổ phần
Đại diện phần vốn NN	0 cổ phần



Bà Nguyễn Thị Ngọc Trúc

Kế toán trưởng

Ngày sinh	1964	12/2002 - 09/2006
Quốc tịch	Việt Nam	10/2006 - 10/2009
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế	
Số lượng cp sở hữu	2.000 cổ phần	11/2009 - 10/2015
Đại diện phần vốn NN	0 cổ phần	11/2015 - nay

Quá trình công tác

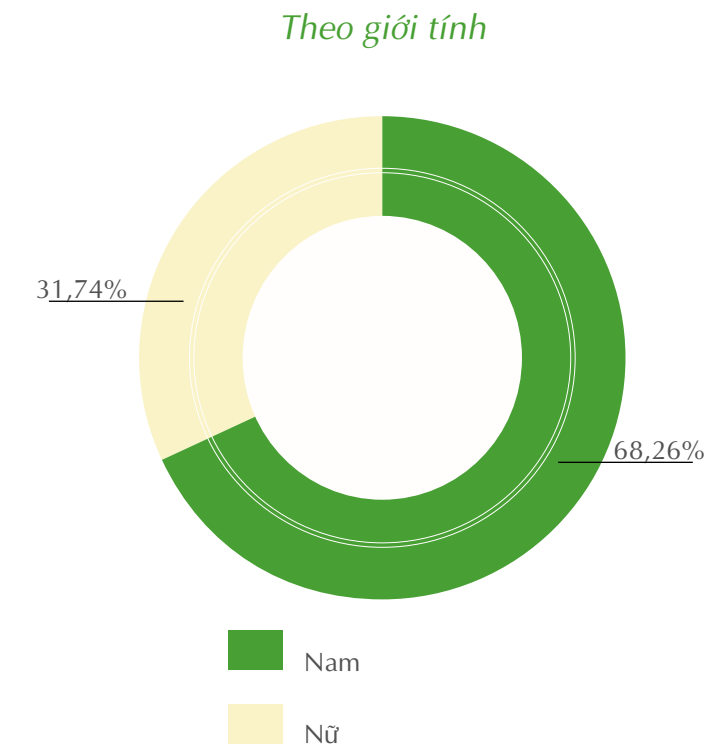
07/1988 - 11/1990	Kế toán tại Công ty Dịch vụ Cơ khí Nông nghiệp Mộc Hóa
12/1990 - 08/1993	Kế toán tại Xí nghiệp Cơ khí Thủy nông huyện Mộc Hóa
09/1993 - 01/1995	Kế toán tại Trạm Quản lý Thủy nông huyện Mộc Hóa
02/1995 - 11/2002	Kế toán tại Ban Quản lý Khai thác Công trình Thủy lợi Nguyễn Văn Tiếp
12/2002 - 09/2006	Kế toán tại Công ty Công trình Đô thị Tân An
10/2006 - 10/2009	Kế toán trưởng tại Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Tân An
11/2009 - 10/2015	Kế toán trưởng tại Công ty Cổ phần Đô thị Tân An
11/2015 - nay	Kế toán trưởng kiêm Thành viên HĐQT và Phó Giám đốc tại Công ty Cổ phần Đô thị Tân An



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Số lượng người lao động

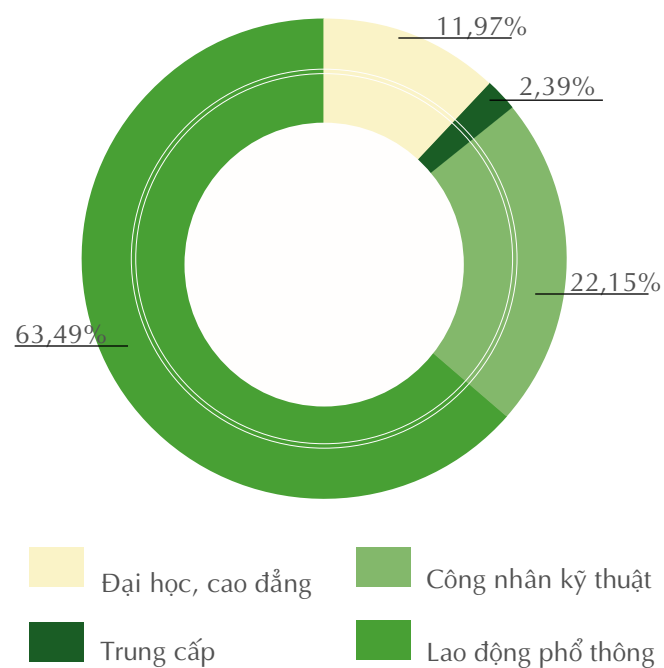
STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ
A	Theo trình độ lao động	167	100,00%
1	Trình độ đại học, cao đẳng	20	11,97%
2	Trình độ trung cấp	4	2,39%
3	Công nhân kỹ thuật	37	22,15%
4	Lao động phổ thông	106	63,49%
B	Theo loại hợp đồng lao động	167	100,00%
1	Hợp đồng không thời hạn	157	94%
2	Hợp đồng xác định từ 1-3 năm	10	6%
3	Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)	-	-
C	Theo giới tính	167	100,00%
1	Nam	114	68,26%
2	Nữ	53	31,74%



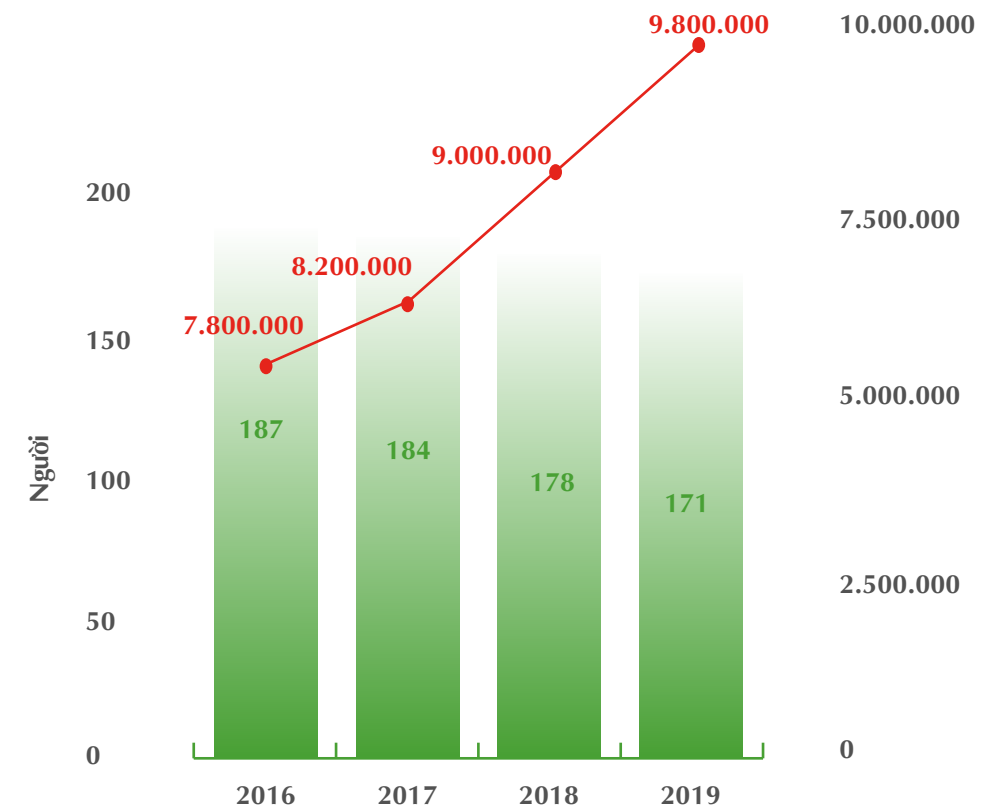
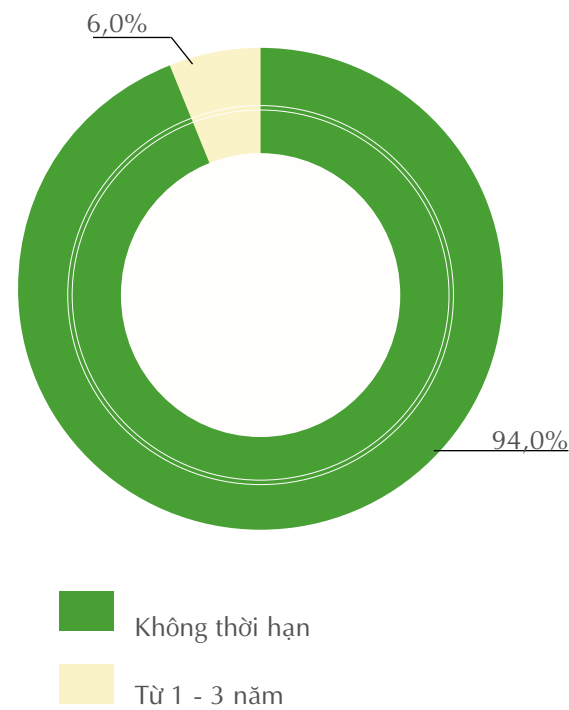
Thu nhập bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
Tổng số lượng người lao động (người)	187	184	178	171
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	7.800.000	8.200.000	9.000.000	9.800.000

Theo trình độ lao động



Theo loại hợp đồng lao động





Tổ chức và nhân sự



Chính sách nhân sự

Nguồn nhân lực là chìa khóa cốt lõi trong sự thành công của doanh nghiệp. Vì vậy nên Ban lãnh đạo đã luôn dành sự quan tâm nhằm phát triển nguồn nhân lực của doanh nghiệp.

Về đào tạo

Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là trình độ chuyên môn nghiệp vụ và hệ thống quản lý chất lượng. Việc đào tạo được tiến hành nội bộ và đào tạo bên ngoài.

Các chương trình đào tạo chú trọng vào nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ thuật và nhận thức của cán bộ công nhân viên về quản lý sản xuất kinh doanh, an toàn lao động và an toàn vệ sinh khi sản xuất nước,...từ đó nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm đầu ra. Công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ cũng được chú trọng về chiều sâu.

Môi trường công việc

Văn phòng làm việc, nhà xưởng khang trang, thoáng mát. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

Về lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ

- Chủ trương về chính sách phúc lợi của Công ty luôn rõ ràng, minh bạch và thưởng xứng đáng, nhằm khuyến khích tinh thần làm việc của người lao động, từ đó tăng năng suất và lợi nhuận cho Công ty.
- Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty, gia tăng hiệu quả đóng góp, Công ty có chính sách thưởng hàng kỳ, hàng năm, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể.
- Công ty xây dựng chính sách lương riêng phù hợp với đặc trưng ngành nghề hoạt động và bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà Nước, phù hợp với trình độ, năng lực và công việc của từng người. Cán bộ công nhân viên thuộc khối văn phòng và gián tiếp được hưởng lương thời gian, công nhân sản xuất trực tiếp được hưởng lương theo cấp bậc và tay nghề.
- Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp được Công ty trích nộp đúng theo quy định của pháp luật.



Các chỉ số tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	2018(*)	2019
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	3,11	2,41
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	2,56	2,17
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	24,98	32,96
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	33,30	49,15
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	22,03	23,36
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	2,37	2,66
Vòng quay khoản phải trả	Vòng	7,26	6,93
Vòng quay khoản phải thu	Vòng	8,86	9,83
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	4,78	3,93
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	17,01	14,69
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	11,34	10,43
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động SXKD/ Doanh thu thuần	%	6,01	5,03

Nguồn: BCTC kiểm toán CTCP Đô thị Tân An năm 2018, 2019

(*) Số liệu được tính dựa trên Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018 phát hành lại vào 08/11/2019



Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán giảm nhiều so với năm 2018. Cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh giảm từ 3,11 xuống 2,31 lần và 2,56 xuống 2,07 lần tương ứng. Nguyên nhân của sự sụt giảm là do khoản nợ ngắn hạn tăng, phát sinh từ khoản mục phải trả người lao động tăng cao, tăng 135% so với năm 2018. Tuy nhiên Công ty vẫn duy trì khả năng trả nợ trong mức đảm bảo, khả năng đáp ứng các khoản nợ của Công ty đang được đánh giá rất tốt.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Như đã phân tích ở trên, nợ ngắn hạn tăng mạnh kéo theo sự gia tăng của các chỉ tiêu về cơ cấu vốn. Hệ số nợ trên tổng tài sản tăng từ 24,98% lên 32,96%. Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu tăng 33,30% lên 49,15%. Cơ cấu nợ của Công ty chủ yếu là các khoản phải trả và hoàn toàn không có nợ vay. Vậy nên những rủi ro về áp lực trả lãi vay của Công ty gần như không có.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Trong năm, các chỉ tiêu về năng lực hoạt động của Công ty được cải thiện đáng kể. Vòng quay hàng tồn kho năm 2019 tăng từ 22,03 lên 23,62 vòng, điều này cho thấy trong năm Công ty đã triển khai công tác quản lý hàng tồn kho hiệu quả giúp cho lượng hàng dự trữ trong kho bình quân còn khoảng 15,45 ngày. Bên cạnh đó, vòng quay các khoản phải trả giảm từ 7,26 xuống 6,93 vòng, cho thấy sự tín nhiệm cao của các đối tác với các giao dịch với Công ty hiệu quả hơn.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Năm 2019 là năm kinh doanh tương đối hiệu quả của Công ty khi doanh thu thuần cả năm tăng 15,51% đạt giá trị 103.540 triệu đồng. Tuy nhiên tốc độ tăng trưởng của doanh thu không bắt kịp tốc độ tăng của chi phí vật liệu đầu vào là 12,47%, mặc dù lợi nhuận sau thuế của Công ty ghi nhận đạt 4.288 triệu đồng giảm 5,17% so với năm trước. Điều này khiến cho các chỉ tiêu đo lường khả năng sinh lời của Công ty trong năm 2019 có xu hướng giảm nhẹ so với năm 2018. Công ty cần có nhiều chính sách kinh doanh hợp lý hơn nữa nhằm tối thiểu chi phí hoạt động và tối đa lợi nhuận.



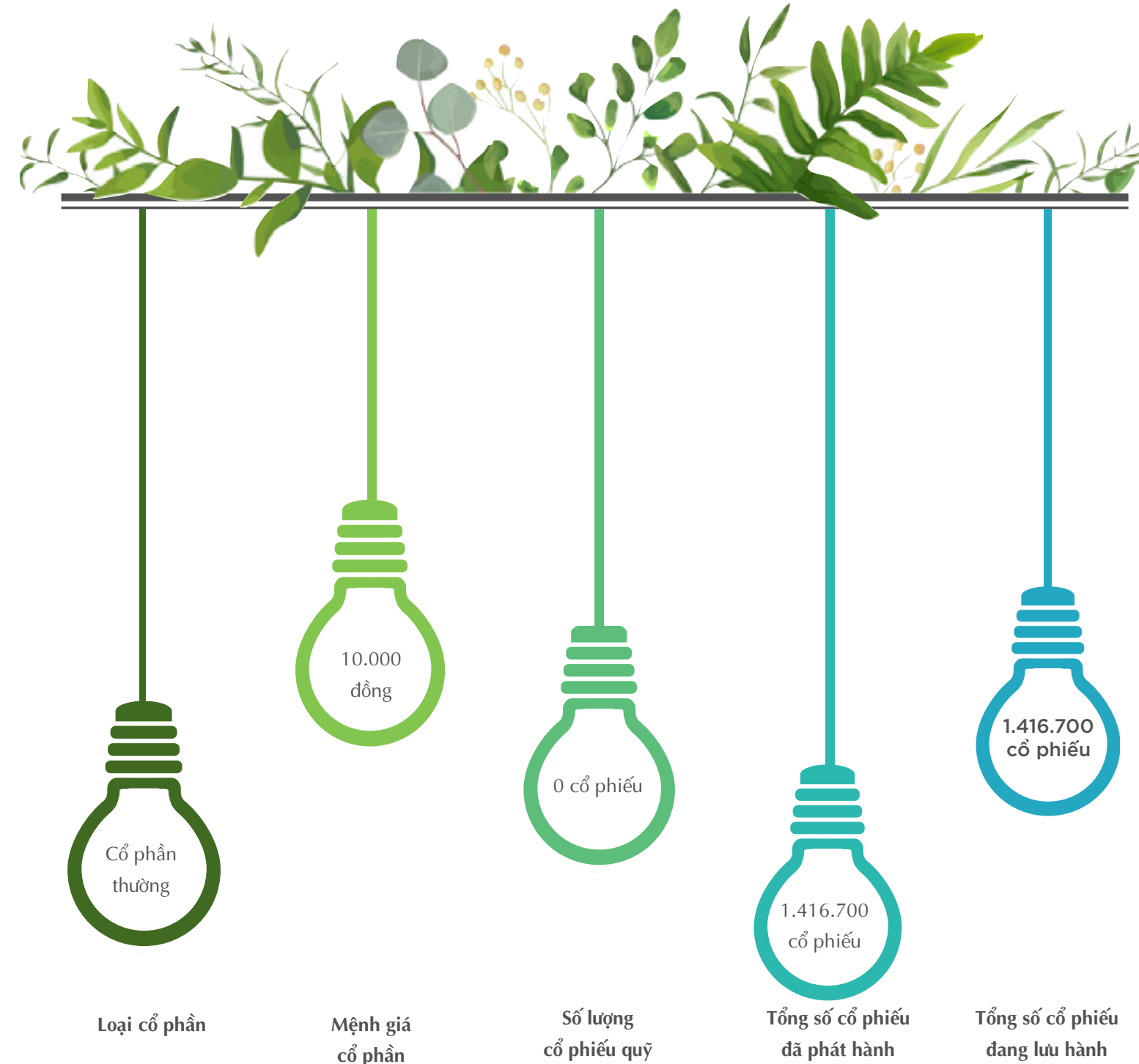
Cơ cấu cổ đông và thay đổi vốn chủ sở hữu

Cơ cấu cổ đông

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
I	Cổ đông trong nước	109	1.416.700	100,00%
1	Cổ đông nhà nước	01	850.020	60,00%
2	Cổ đông tổ chức	02	261.340	18,45%
3	Cổ đông nội bộ	38		
4	Cổ đông cá nhân	68		
II	Cổ đông nước ngoài	-	-	-
1	Cá nhân	-	-	-
2	Tổ chức	-	-	-
III	Cổ phiếu quỹ	-	-	-
Tổng cộng		109	1.416.700	100,00%



Thông tin cổ phiếu





Báo cáo của Ban Giám đốc

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	35
Tình hình tài chính	37
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý	39
Kế hoạch phát triển trong tương lai	41
Báo cáo phát triển bền vững	43





Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	%TH2019/ KH2019
Tổng doanh thu	Triệu đồng	91,000	103,731	113,9%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	5,750	5,181	90,1%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	Triệu đồng	1,150	1,115	96,9%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	4,600	4,066	88,4%
Cổ tức	%	2.111(*)	1.866	88,4%

Nguồn: BCTC kiểm toán CTCP Đô thị Tân An năm 2018, 2019

(*) Kế hoạch Tổng lãi cổ tức 2019 là 2,990 tỷ đồng

Hoạt động SXKD năm 2019 tuy có nhiều thuận lợi, khó khăn thách thức đan xen nhưng Công ty luôn nhận được sự quan tâm, hỗ trợ của lãnh đạo cấp trên, sự đoàn kết thống nhất trong Ban lãnh đạo, người lao động, các cổ đông. Đó là nguồn động lực chính khích lệ tinh thần Ban Giám đốc Công ty để Ban Giám đốc thực hiện tốt vai trò trách nhiệm trong quản lý điều hành hoạt động SXKD đảm bảo các khối lượng công việc đạt chất lượng, hiệu quả theo yêu cầu của chủ đầu tư, nghị quyết HĐQT, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, bảo toàn nguồn vốn, duy trì việc làm, mức thu nhập cho NLD, lãi cổ tức cho cổ đông, thực hiện tốt nghĩa vụ đối với nhà nước, các chế độ chính sách cho NLD đúng luật định.

Trong năm qua, Ban Giám đốc đã chủ động thực hiện nhiều giải pháp, phát huy các lợi thế, khắc phục khó khăn để hoàn thành tốt nhiệm vụ do ĐHĐCĐ đề ra. Doanh thu thuần năm 2019 là 103.540 bằng 115,51% doanh thu thuần năm 2018 và đạt tỷ lệ 113,78% so với kế hoạch năm 2019.

Tuy nhiên, một số mục tiêu của HĐQT có đề ra nhưng thực hiện còn hạn chế như: Lợi nhuận thực tế chưa đạt kế hoạch, việc mở rộng địa bàn hoạt động SXKD gặp nhiều khó khăn nên số lượng còn ít, quy mô nhỏ, chủ yếu là thực hiện dịch vụ công ích ở huyện Tân Trụ, dây phân cách đường 827 huyện Châu Thành và dịch vụ cho thuê xe tải chuyên dùng mang tính tạm thời ngắn hạn; việc đầu tư ngành nghề mới chưa thực hiện được; việc quản lý chất lượng của Công ty theo ISO 9001 còn khó khăn, kết quả còn một số hạn chế. Thực hiện lộ trình thoái vốn nhà nước còn chậm so với kế

hoạch của Tỉnh.

Nguyên nhân của những hạn chế trên do áp lực cạnh tranh của kinh tế thị trường ngày càng quyết liệt, việc tham gia đấu thầu các công trình ngày càng khó khăn do cơ chế chính sách của Nhà nước trong việc tham gia đấu thầu của doanh nghiệp vừa và nhỏ. Ngân sách Thành phố chưa bảo đảm chi cho công tác dịch vụ công ích đô thị, khối lượng dịch vụ công ích thực hiện ngày càng tăng cao, nhưng do chủ trương giảm đơn giá dịch vụ công ích và chi phí hoạt động SXKD tăng khá nhiều đã ảnh hưởng đến hiệu quả SXKD.



Thuận lợi

Công ty đã hoạt động hơn 10 năm trong lĩnh vực công ích nên đã đáp ứng được sự tin tưởng của người dân vào dịch vụ Công ty cung cấp. Bên cạnh đó Công ty cũng tích lũy được một đội ngũ lao động giàu kinh nghiệm, có tinh thần trách nhiệm công việc cao giúp Công ty tiết kiệm chi phí và nâng cao chất lượng dịch vụ.

Năm 2020 nền kinh tế Việt Nam được dự báo sẽ tiếp tục là một trong những nền kinh tế tăng trưởng cao nhất thế giới. Trong bối cảnh mật độ dân cư các khu vực ngoài trung tâm như Long An ngày một tăng lên khiến nhu cầu về lĩnh vực tiện ích công cộng ngày một cao. Đây là cơ hội rất lớn cho sự tăng trưởng của Công ty Cổ phần Đô thị Tân An.

Khó khăn

- Việc thiếu bãi đổ rác, điểm tập kết..., vấn đề ô nhiễm môi trường từ các bãi rác tạm, điểm tập kết, trạm trung chuyển rác gây khó khăn cho hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý rác.
- Một số hộ dân chưa có ý thức vẫn còn vứt rác ra đường, bỏ rác không đúng nơi quy định..., nên công tác thu gom gặp nhiều khó khăn Công ty phải bố trí nhiều phương tiện và tần suất thu gom nhiều lần trong ngày.
- Thực hiện chủ trương bàn giao thu phí vệ sinh về địa phương, tuy nhiên đến nay một số địa phương chậm bố trí vốn thanh toán cho Công ty hạng mục thu gom rác trong dân. Một số bất cập do một số cơ sở không đồng ý xác nhận đúng khối lượng thu gom mà chỉ đồng ý đóng tiền theo mức thỏa thuận, thường thì rất thấp.
- Định mức, đơn giá chậm được điều chỉnh theo mức tăng của lương tối thiểu vùng.
- Trong quá trình đấu thầu, việc thi công chăm sóc công viên cây xanh trên địa bàn thành phố không chỉ có 01 đơn vị thi công và thời gian thực hiện gói thầu thường ngắn (01 năm), nên việc theo dõi lịch sử phát triển của cây không được cập nhật. Vì vậy trong quá trình khảo sát, đánh giá và nâng cấp gặp nhiều bất cập.





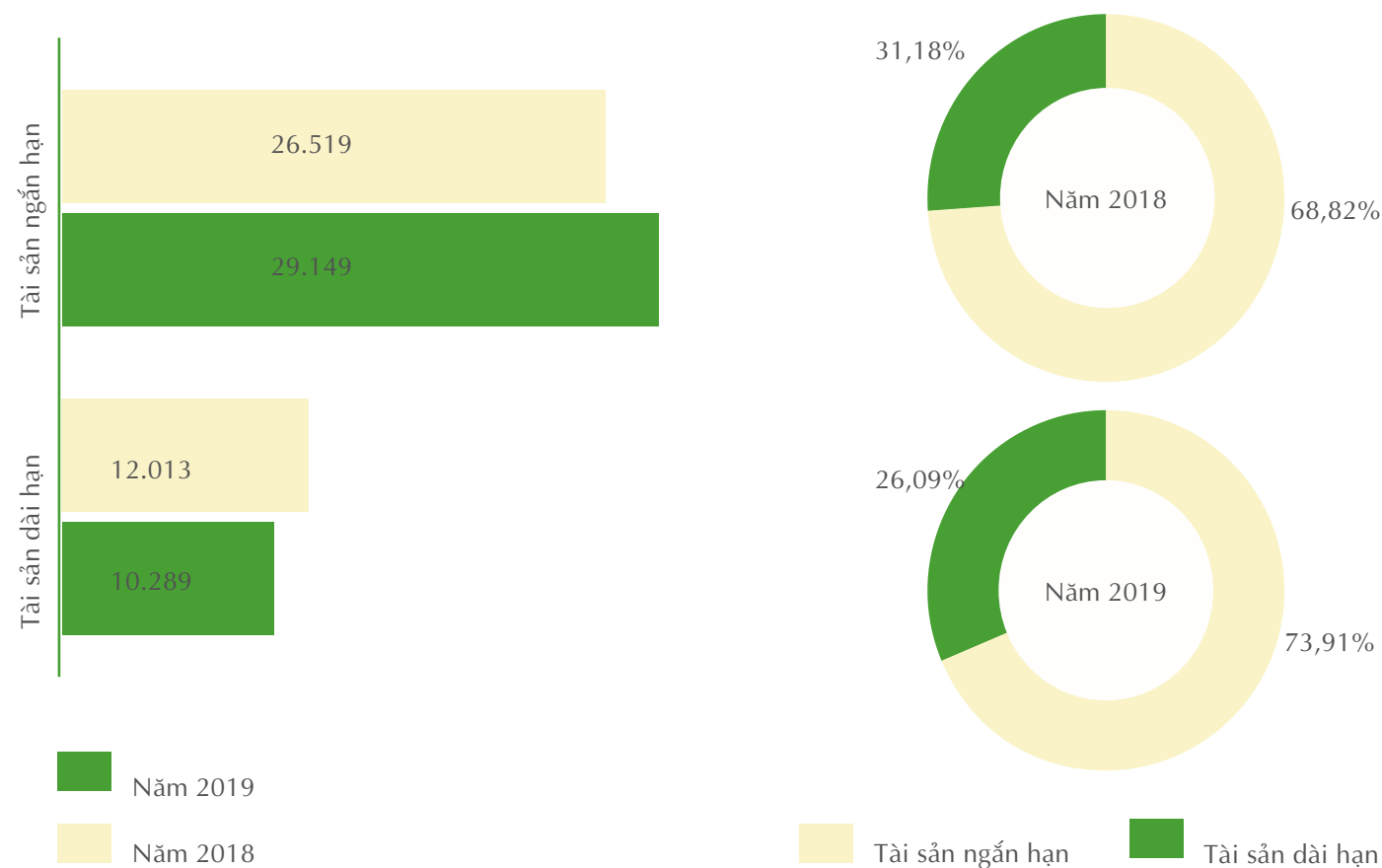
Tình hình tài chính

Tình hình tài sản

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	TH năm 2019/ TH năm 2018	Tỷ trọng năm 2018	Tỷ trọng năm 2019
Tài sản ngắn hạn	26.519	29.149	109,92%	68,82%	73,91%
Tài sản dài hạn	12.013	10.289	85,65%	31,18%	26,09%
Tổng tài sản	38.532	39.439	102,35%	100,00%	100,00%

Nguồn: BCTC kiểm toán CTCP Đô thị Tân An năm 2018, 2019



Trong năm 2019, giá trị tổng tài sản đạt 39.439 triệu đồng, tăng nhẹ 2,35% so với cùng kỳ năm trước. Cơ cấu tài sản không có nhiều sự thay đổi. Cụ thể, cơ cấu tài sản ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn 73,91% trong cơ cấu tổng tài sản, phần còn lại là tài sản dài hạn. Theo đó, tài sản ngắn hạn đạt 29.149 triệu đồng, tăng 9,92% so với cùng kỳ năm 2018. Trong đó, sự tăng lên của khoản mục tiền và tương đương tiền chính là nguyên nhân chính dẫn đến sự thay đổi trong tài sản ngắn hạn. Cụ thể, Công ty ghi nhận khoản tiền này từ việc bán 282.340 cổ phiếu thường và đã gửi tiết kiệm khoản mục này tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Long An với kỳ hạn 3 tháng. Theo đó, khoản mục tiền tiết kiệm tăng 4.909 triệu đồng và đạt giá trị 6.000 triệu đồng vào ngày 31/12/2019, tăng 449,89% so với cùng kỳ năm ngoái. Tài sản dài hạn đạt giá trị thấp hơn cùng kỳ năm trước là 10.289 triệu đồng và giảm sâu 14,35%. Nguyên nhân là do Công ty đang đẩy mạnh việc thanh lý các máy móc, công cụ dụng cụ không còn đạt hiệu suất. Tài sản dài hạn của Công ty chủ yếu là tài sản cố định hữu hình. Cụ thể tổng tài sản cố định của Công ty tại ngày 31/12/2019 như sau:

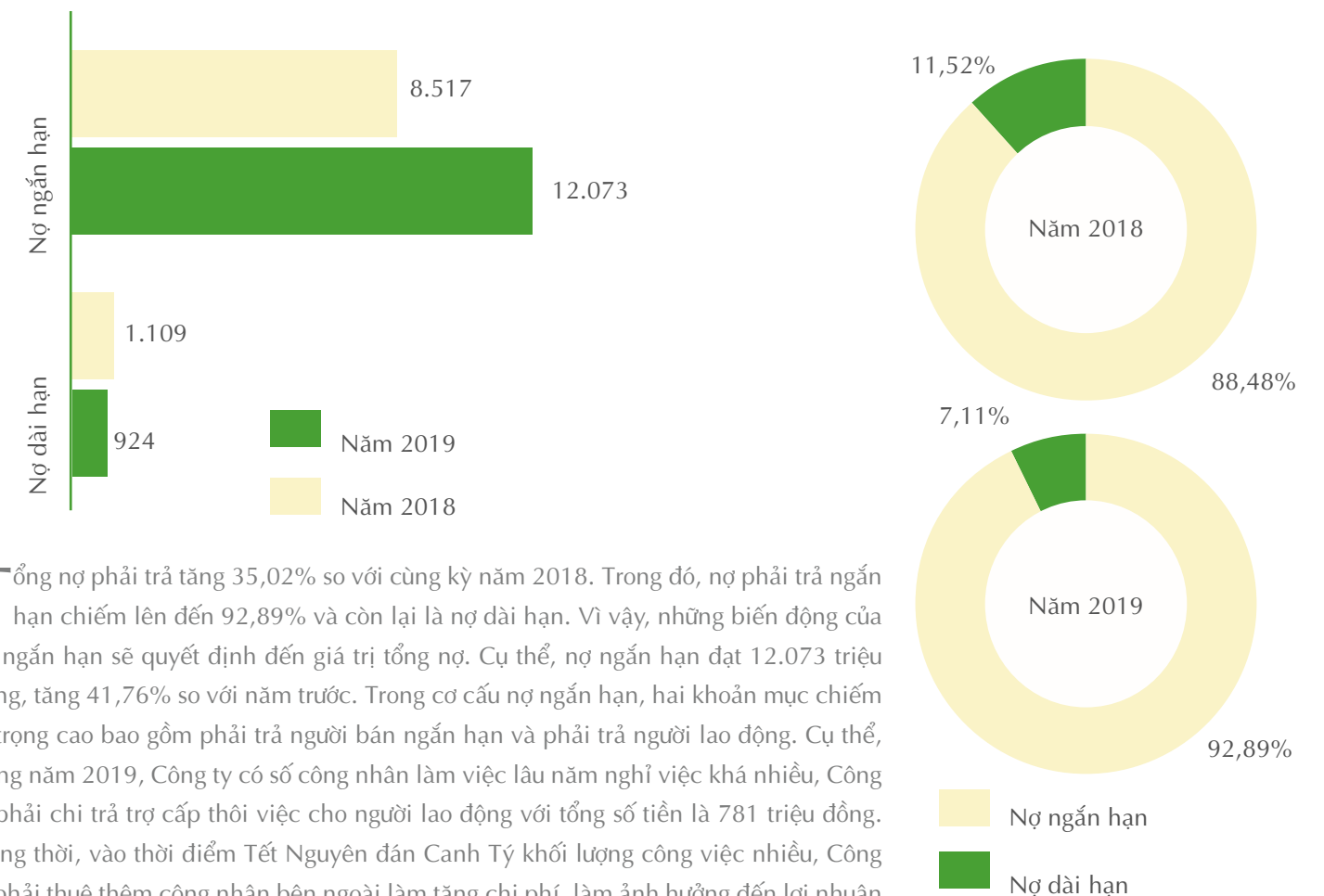
Đơn vị tính: Triệu đồng

Tài sản cố định hữu hình	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Nhà cửa, vật kiến trúc	2.901	2.236	77,07%
Máy móc thiết bị	-	-	-
Phương tiện vận tải	19.114	6.611	34,59%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	33	3	8,75%
Cộng	22.048	8.849	40,14%

Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	TH 2019/ TH 2018	Tỷ trọng năm 2018	Tỷ trọng năm 2019
Nợ ngắn hạn	8.517	12.073	141,76%	88,48%	92,89%
Nợ dài hạn	1.109	924	83,32%	11,52%	7,11%
Tổng nợ phải trả	9.626	12.997	135,02%	100,00%	100,00%

Nguồn: BCTC kiểm toán CTCP Đô thị Tân An năm 2018, 2019



Tổng nợ phải trả tăng 35,02% so với cùng kỳ năm 2018. Trong đó, nợ phải trả ngắn hạn chiếm lên đến 92,89% và còn lại là nợ dài hạn. Vì vậy, những biến động của nợ ngắn hạn sẽ quyết định đến giá trị tổng nợ. Cụ thể, nợ ngắn hạn đạt 12.073 triệu đồng, tăng 41,76% so với năm trước. Trong cơ cấu nợ ngắn hạn, hai khoản mục chiếm tỷ trọng cao bao gồm phải trả người bán ngắn hạn và phải trả người lao động. Cụ thể, trong năm 2019, Công ty có số công nhân làm việc lâu năm nghỉ việc khá nhiều, Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động với tổng số tiền là 781 triệu đồng. Đồng thời, vào thời điểm Tết Nguyên đán Canh Tý khối lượng công việc nhiều, Công ty phải thuê thêm công nhân bên ngoài làm tăng chi phí, làm ảnh hưởng đến lợi nhuận thực hiện của Công ty và tiền lương của người lao động.



Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

Công tác quản lý sản xuất kinh doanh

Căn cứ vào hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty các năm vừa qua và mức độ phát triển của ngành trong tương lai, Ban Lãnh đạo Công ty luôn tập trung thực hiện các công việc sau:

- Vận hành ổn định, an toàn, hiệu quả các thiết bị máy móc, thiết bị chuyên dùng tất cả các bộ phận. Duy trì thực hiện kế hoạch sửa chữa bảo dưỡng, đăng kiểm, máy, thiết bị một cách hợp lý theo kế hoạch
- Đầu tư nâng cấp một số máy móc thiết bị chuyên dùng để giảm tiêu hao vật tư nguyên, nhiên liệu và nhân công lao động trực tiếp.
- Bộ phận kinh doanh chuyên môn nghiệp vụ có nhiều đổi mới cả trong phương thức giao nhận mua bán hàng đến phương thức thanh toán để tránh thất thoát, nợ quá hạn kéo dài.
- Mở rộng địa bàn kinh doanh của công ty ra huyện lân cận.
- Áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật trong hoạt động sản xuất kinh doanh cho từng bộ phận, tạo điều kiện cho công tác quản lý, chi phí sản xuất kinh doanh hợp lý, hiệu quả, tiết kiệm.
- Đầu tư vốn vào các đơn vị liên doanh liên kết để đa dạng hoá ngành nghề và phát huy thế mạnh của hai bên.
- Mở các đợt phát động phong trào thi đua lao động giỏi làm tăng động lực của đội ngũ cán bộ quản lý, công nhân lao động để hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm.
- Tham gia đóng góp các phong trào các quỹ tương trợ của địa phương và các hoạt động an sinh xã hội.
- Có kế hoạch sử dụng nguồn vốn đáp ứng yêu cầu hoạt động sản xuất, kinh doanh, đầu tư của công ty vừa lành mạnh vừa thuận lợi.
- Tổ chức tốt hoạt động hệ thống kế toán theo chuẩn mực quy định, phản ánh đầy đủ, trung thực và đáp ứng yêu cầu các hoạt động kinh doanh của công ty: Ban hành quy trình kiểm kê, luân chuyển chứng từ, hạch toán kế toán đúng niên độ. Thực hiện đầy đủ yêu cầu kiểm toán cuối năm, báo cáo thuế, hàng tồn kho ... đã được đại hội cổ đông chấp thuận thông qua.
- Thực hiện áp dụng và tuân thủ hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn ISO 9001- 2000 và công bố thông tin chính xác kịp thời theo đúng yêu cầu của UB-CKHN đối với các công ty đại chúng.
- Thực hiện tốt công tác an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, công tác kiểm tra sức khỏe định kỳ cho người lao động, công tác giữ gìn an ninh trật tự, an toàn giao thông, công tác bảo vệ luôn được đưa lên hàng đầu và thường xuyên được kiểm tra, giám sát để đề phòng sự cố xảy ra.

Công tác quản lý tài chính

Đơn vị tính: Triệu đồng

Khoản mục	Giá trị năm 2018	So với DTT năm 2018	Giá trị năm 2019	So với DTT năm 2019
Giá vốn bán hàng	76.575	85,43%	89.828	86,76%
Chi phí tài chính	-	-	-	-
Chi phí bán hàng	74	0,08%	94	0,09%
Chi phí quản lý DN	7.719	8,61%	8.455	8,17%
Tổng	84.368	94,12%	98.377	95,01%

Nguồn: BCTC kiểm toán CTCP Đô thị Tân An năm 2018, 2019

Bên cạnh việc quản lý và kiểm soát tốt các chi phí bán hàng và các chi phí khác công ty đang đối mặt với việc gia tăng giá vốn hàng bán.

- Trong năm công ty vẫn duy trì chính sách tiết kiệm và quản lý chi phí hợp lý nên tỷ trọng chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp trên doanh thu thuần tiếp tục ổn định ở mức 0,09% và 8,17%.
- Chi phí giá vốn hàng bán: trong năm 2019, chi phí nguyên vật liệu tăng 0,79% và chiếm mức tỷ trọng khá cao 86,76% trong doanh thu thuần.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp: năm 2019 chi phí QLDN tăng 8,56% do sự tăng lên của chi phí nhân viên quản lý. Tuy nhiên, Công ty đã kiểm soát mức tăng hợp lý, giảm tỷ trọng chi phí quản lý doanh nghiệp từ 8,61% xuống còn 8,17% so với doanh thu thuần.





Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020

Căn cứ vào tình hình thực tế của Doanh nghiệp, từ năm 2017-2019 doanh thu các dịch vụ công ích được thực hiện theo phương thức đặt hàng nên doanh thu được ổn định, nhưng đến năm 2020 chuyển sang phương thức đấu thầu nên doanh thu thực hiện các dịch vụ công ích sẽ có thay đổi, do đó không xây dựng tăng và giữ nguyên doanh thu công ích cho những năm tiếp theo để xây dựng kế hoạch SXKD giai đoạn 2020-2024, cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2020
Tổng doanh thu	Triệu đồng	104.000
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	6.000
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	4.800
Lãi cổ tức	Triệu đồng	3.120
Lãi cổ tức cho nhà đầu tư	Đồng/cổ phiếu	2.202

Kế hoạch đầu tư

Do đặc thù không phải là ngành sản xuất nên Công ty không có hoạt động nghiên cứu và phát triển sản phẩm, tuy vậy Công ty vẫn tiến hành thực hiện bảo dưỡng đều đặn các phương tiện, máy móc thiết bị nhằm cung cấp dịch vụ với chất lượng tốt nhất cho người dân. Trong tương lai, Công ty sẽ cân nhắc việc phát triển thêm một số dịch vụ về môi trường vào thời điểm thích hợp. Trong những năm gần đây, Công ty đã mở rộng quy mô sang lĩnh vực kinh doanh xăng dầu. Công ty sẽ căn cứ vào tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và nhu cầu của thị trường để xây dựng kế hoạch phát triển, tiềm năng khai thác trong các lĩnh vực này.

Trong năm 2020, tùy theo tình hình tài chính của Công ty, dự kiến sẽ đầu tư một số hạng mục cần thiết để phục vụ hoạt động SXKD như sau:

- » Dự kiến đầu tư sửa chữa lớn các xe chuyên dùng, nhất là các xe ép rác: 2,5 tỷ đồng
- » Dự kiến đầu tư kinh phí để mua thêm 01 xe ép rác loại 10 tấn trở lên (trả góp): 3,5 tỷ đồng.
- » Dự kiến đầu tư kinh phí để mua 01 xe nâng cầu trên 15 mét (trả góp): 2,5 tỷ đồng.
- » Dự kiến đầu tư kinh phí mua thêm 01 xe rác nhỏ loại 1,8 m³; 10 xe rác đẩy tay; 60 thùng rác loại 240 lít để phục vụ công tác quét dọn vệ sinh đường phố và thu gom vận chuyển rác: 470 triệu đồng.
- » Dự kiến đầu tư sửa chữa lại nhà làm việc tại trụ sở chính của Công ty một số hạng mục (do hết hợp đồng thuê văn phòng làm việc với Phòng Tài chính Kế hoạch Thành phố tại số 48 Nguyễn Đình Chiểu): 01 tỷ đồng.



Báo cáo phát triển bền vững

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Công ty luôn sử dụng nguồn nguyên vật liệu đúng theo quy định của pháp luật, đảm bảo về số lượng và chất lượng đã được đề ra như sau:

STT	Nguyên liệu/nhiên liệu	Đơn vị	Số lượng	Mục đích sử dụng
1	Túi bầu (nylon)	kg/năm	80	Túi bầu
2	Dầu	lít/năm	165.849	Nhiên liệu xe
3	Nhớt	lít/năm	3.690	Bảo trì xe



Công ty đã và đang làm tốt công tác quản lý hệ thống chiếu sáng của thành phố Tân An. Toàn bộ số lượng đèn chiếu sáng được hoạt động theo cơ chế tắt mở tự động. Thời gian bật - tắt hệ thống chiếu sáng sẽ được điều chỉnh tùy theo mùa trong năm cho phù hợp độ sáng của hệ thống đường giao thông, có kế hoạch tiết giảm hợp lý theo từng khu vực và thời gian, đảm bảo an toàn. Bên cạnh đó, Công ty thường xuyên kiểm tra và thay các thiết bị điện cũ kỹ, cải tiến hệ thống chiếu sáng. Việc làm này đã giúp tiết kiệm được 70% lượng điện năng tiêu thụ.

Lĩnh vực hoạt động liên quan đến môi trường là lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty, vì thế công ty luôn đặt mục tiêu bảo vệ môi trường lên hàng đầu, tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về bảo vệ môi trường. Không chỉ vậy, Công ty chủ trương phối hợp với ban lãnh đạo và người dân trong địa bàn Tỉnh và Thành phố tập trung thực hiện công tác tuyên truyền, phân loại, thu gom và xử lý toàn bộ rác thải sinh hoạt bằng nhiều phương pháp thích hợp; hạn chế tối đa chất thải chôn lấp, chấm dứt nạn vứt rác, xả thải trực tiếp xuống kênh rạch. Ngoài ra, Công ty cũng thường xuyên tổ chức các buổi dọn rác ở các nơi công cộng trong toàn thể nhân viên không kể nhân viên văn phòng, không vi phạm các quy định pháp luật về môi trường và thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan quản lý môi trường.



Công ty nhận thức được rằng nguồn nước là tài nguyên vô giá nhưng không phải vô tận, vì vậy mỗi cá nhân, mỗi doanh nghiệp phải biết sử dụng hợp lý nhằm bảo vệ nguồn nước không bị cạn kiệt và còn giúp bảo vệ môi trường. Trong năm 2019, lượng nước tiêu thụ tại Công ty luôn được kiểm soát khá chặt chẽ, sử dụng các thiết bị tiết kiệm nước như sau:



Nguồn phát sinh	Biện pháp giảm thiểu
Nước thải	Nước thải sinh hoạt được xử lý bằng bể tự hoại tự thấm.
Nước mưa chảy tràn	Nước mưa chảy tràn tự thấm xuống đất
Chất thải rắn thông thường	- Bố trí nhân viên vệ sinh nội vi mỗi ngày. - Trang bị thùng chứa rác sinh hoạt tại văn phòng. - Xe ép rác của cơ sở thu gom xử lý theo quy định.
Chất thải nguy hại	- Chất thải nguy hiểm được thu gom chứa trong thùng chứa đặt tại nhà xe. - Lượng chất thải nguy hại phát sinh ít dưới 600 kg/năm nên chưa hợp đồng thu gom xử lý.
Bụi và khí thải từ phương tiện giao thông	- Quét dọn sân đường, tưới nước đường hạn chế bụi. - Kiểm soát tốc độ các phương tiện vận chuyển ra vào cơ sở. - Trồng cây xanh xung quanh cơ sở.
Mùi hôi từ xe chở ép rác, xe bồn kín	- Xe ép rác đóng kín cửa thùng, khóa chặt van trong quá trình vận chuyển và đậu xe tại cơ sở xung quanh. - Xe ép rác và xe bồn kín được bảo trì bảo dưỡng định kỳ, ngăn chặn nước rỉ rác trong thùng xe, bồn chứa ra bên ngoài.
Mùi hôi từ khu vực tập kết bùn hầm cầu	- Lắp đặt mái che thấp và kín tại khu vực xử lý bùn hầm cầu để hạn chế khuếch tán mùi ra môi trường xung quanh. - Sử dụng chế phẩm sinh học để khử mùi. - Trồng cây xanh xung quanh cơ sở hạn chế khuếch tán mùi hôi ra môi trường xung quanh.
Tiếng ồn từ hoạt động vận chuyển	- Khu vực văn phòng cách ly với môi trường bên ngoài. - Kiểm tra, bảo trì bảo dưỡng xe cộ định kỳ. - Giảm tốc độ vận chuyển xe khi ra vào cơ sở.
Ảnh hưởng của nước mặt đến chất lượng nước ngầm	Thu gom nước thải rửa xe, nước rỉ từ bùn nạo vét, bùn hầm cầu về hố ga chứa bùn hầm cầu 2 (hồ sinh học) để xử lý, lưu chứa. - Nhân viên của cơ sở được huấn luyện nghiệp vụ PCCC và cứu nạn cứu hộ.
Phòng cháy chữa cháy	- Nhiên liệu lưu trữ nơi an toàn. - Trang bị đầy đủ thiết bị PCCC.
An toàn lao động	- Lập nội quy an toàn lao động tại cơ sở. - Bố trí thời gian làm việc hợp lý. - Thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở công nhân thực hiện đúng nội quy lao động. - Người lao động được trang bị bảo hộ theo đặc thù công việc.
Phòng ngừa sự cố vận hành hệ thống xử lý chất thải	- Hệ thống xử lý bùn nạo vét, bùn hầm cầu và nước thải được vận hành đúng quy trình kỹ thuật. - Kiểm tra, theo dõi hoạt động xử lý nước thải mỗi ngày.



Báo cáo phát triển bền vững

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Công ty hiện đang cung cấp một số lượng công việc cho thị trường góp phần đảm bảo việc làm cho người lao động tại địa bàn thành phố Tân An. Bên cạnh đó, Công ty còn tổ chức các hoạt động tình nguyện, các hoạt động xã hội, hoạt động nhân đạo, gây quỹ như xây dựng nhà tình thương, trao học bổng cho các học sinh nghèo hiếu học, quà tặng và hỗ trợ các gia đình có hoàn cảnh khó khăn. Các hoạt động cụ thể trong năm 2019 như sau:

Nội dung	Số tiền (Đồng)
Ủng hộ quỹ vì người nghèo	10.000.000
Quỹ tấm lòng vàng	4.080.000
Ủng hộ xây dựng mái ấm công đoàn cho một lao động	10.000.000
Ủng hộ cho các tổ chức địa phương trong công tác tuyển quân, các gia đình chính sách, thương binh liệt sĩ, trường học	29.718.000

Chính sách liên quan đến người lao động

Thời gian làm việc: Bộ phận sản xuất gián tiếp làm việc theo giờ hành chính, bộ phận sản xuất trực tiếp làm việc theo ca. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh thì Cán bộ công nhân viên Công ty có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước và đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động.

Nghỉ ốm, thai sản: Cán bộ công nhân viên Công ty được nghỉ ốm 03 ngày (không liên tục) trong năm và được hưởng nguyên lương và bảo hiểm xã hội. Trong thời gian nghỉ thai sản, ngoài thời gian nghỉ với chế độ bảo hiểm theo đúng quy định, còn được hưởng thêm các tháng lương cơ bản do Bảo hiểm xã hội chi trả.

Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc, nhà xưởng khang trang, thoáng mát. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

Nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết: Cán bộ công nhân viên được nghỉ lễ và Tết theo quy định của Bộ Luật Lao động và được hưởng nguyên lương và bảo hiểm xã hội. Những cán bộ công nhân viên có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày mỗi năm, những cán bộ công nhân viên có thời gian làm việc tại Công ty chưa đủ 12 tháng thì số ngày được nghỉ phép trong năm được tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. Đối với những cán bộ công nhân viên làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thì được nghỉ phép 14 ngày mỗi năm và được nghỉ phép 16 ngày đối với những cán bộ công nhân viên làm công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc người làm việc ở những nơi có điều kiện sinh sống đặc biệt khắc nghiệt. Ngoài ra, cứ 05 năm làm việc tại Công ty cán bộ công nhân viên lại được cộng thêm 01 ngày phép.



Đánh giá của Hội đồng quản trị

Về các mặt hoạt động của Công ty	49
Về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty	50
Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	51



Đánh giá của Hội đồng quản trị

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty



Năm 2019, sự nỗ lực của tập thể Ban điều hành và người lao động Công ty cùng với sự tin nhiệm của Quý cổ đông, Công ty Cổ phần Đô thị Tân An tiếp tục cơ bản hoàn thành vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 ngày 22/05/2019 đề ra. Tuy tình hình hoạt động kinh doanh có những khó khăn nhất định nhưng với sự đồng lòng của cả tập thể, Công ty đã thành công trong việc đối phó với những biến động của tình hình, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tổ chức sản xuất kinh doanh hiệu quả.



Bên cạnh đó, trong năm 2020, Công ty đang tiến hành thoái 100% vốn nhà nước, là năm cuối cùng được UBND Thành phố Tân An tiếp tục đặt hàng thực hiện các Dịch vụ công ích đô thị. Điều này ít nhiều ảnh hưởng đến tình hình kinh doanh và gây khó khăn hơn do ngân sách chi cho dịch vụ công ích chưa đáp ứng yêu cầu phát triển của Thành phố. Chi phí hoạt động kinh doanh ngày càng tăng lên, nhất là sự cạnh tranh của các doanh nghiệp cùng ngành nghề. Ngoài ra, môi trường ngày một ô nhiễm và ý thức bảo vệ môi trường của người dân

còn thấp - khiến cho công tác cấp thoát nước, vệ sinh đường phố gặp nhiều trở ngại.... Những điều đó tạo ra một thách thức rất lớn cho Công ty. Vì vậy, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc phải tập trung lãnh đạo, đề ra các biện pháp điều hành linh hoạt, quyết liệt, quản lý hiệu quả chi phí sản xuất nhằm tối đa hóa được doanh thu cũng như lợi nhuận của Công ty.

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám Đốc

Việc điều hành các hoạt động của Công ty, Hội đồng quản trị luôn tuân thủ quy định của pháp luật, thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng theo điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và được cập nhật sửa đổi theo quy định pháp luật và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm.

Hoạt động giám sát

Hội đồng quản trị thực hiện công tác giám sát Ban Giám đốc và các bộ phận quản lý khác trong Công ty theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty. Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát và chỉ đạo đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ đúng quy định pháp luật, thực hiện Nghị quyết ĐHĐQT và Nghị quyết HĐQT đã ban hành. Công tác điều hành được phân công cụ thể và chỉ đạo quyết liệt, bám sát phương hướng và kế hoạch hoạt động theo Đại hội đồng cổ đông năm 2019, và định hướng của Hội đồng quản trị.

Kết quả hoạt động giám sát

Kiểm tra chặt chẽ hoạt động của Ban Giám đốc trong các công tác sau:

- Giám sát công tác chỉ đạo và điều hành hoạt động kinh doanh, đề ra chiến lược kinh doanh và các giải pháp thực hiện kịp thời, đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2019;
- Giám sát, chỉ đạo công tác công bố thông tin với mục tiêu đảm bảo tính minh bạch về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh, qua đó tạo điều kiện thuận lợi để cổ đông và các nhà đầu tư thực hiện tốt chức năng giám sát, kiểm soát các hoạt động của Công ty;
- Xây dựng kế hoạch hoạt động kinh doanh và kế hoạch tài chính năm 2019;
- Chủ trì, chỉ đạo tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.



Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2020

Sau khi thực hiện xong phương án thoái 100% vốn nhà nước được UBND Tỉnh phê duyệt và thực hiện chủ trương của UBND Thành phố về việc vừa tiếp tục đặt hàng thực hiện dịch vụ công ích, vừa tổ chức đấu thầu một số mảng dịch vụ công ích, Công ty sẽ xem xét điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh cho phù hợp với tình hình thực tế.



Định hướng hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020

Thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc được quy định trong Điều lệ Công ty, nhất là phát huy và đề cao vai trò, trách nhiệm người đứng đầu. Tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ của các thành viên. Tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo đảm bảo thực hiện tốt Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên đã thông qua. Công ty duy trì hoạt động ổn định và từng bước phát triển, bảo đảm thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2020. Tổ chức Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ 2020-2024.

Thực hiện hoàn thành phương án thoái 100% vốn nhà nước được UBND Tỉnh phê duyệt đúng thời gian quy định. Công ty sớm ổn định công tác tổ chức và cán bộ sau thoái vốn nhà nước, sắp xếp lại tổ chức bộ máy và lực lượng lao động phù hợp với tình hình mới. Kiện toàn đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý Công ty; củng cố, kiện toàn đội ngũ cán bộ lãnh đạo các phòng, các đội bảo đảm đủ năng lực quản lý, điều hành thực hiện nhiệm vụ chuyên môn và tham mưu tốt cho Ban Giám đốc Công ty.

Nâng cao chất lượng hoạt động của HĐQT. Nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp. Kiểm soát chặt chẽ chi phí hoạt động của Công ty, tăng cường thực hành tiết kiệm, bảo đảm tài chính Công ty an toàn, hiệu quả.

Thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát hoạt động của Giám đốc, các Phó Giám đốc và các cán bộ quản lý khác, bảo đảm thực hiện tốt chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Mở rộng địa bàn hoạt động SXKD, đầu tư ngành nghề mới, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động. Thực hiện đầu tư các dự án đúng tiến độ, bảo đảm chất lượng công trình và hiệu quả của dự án.

Lãnh đạo công ty tích cực chuẩn bị và tham gia đấu thầu thực hiện các DVCI, các công trình năm 2020 đạt kết quả. Tiếp tục rà soát các định mức kinh tế, kỹ thuật; thực hiện quyết liệt các biện pháp nâng cao năng suất lao động, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác khoán khối lượng cho người lao động, từng bước cải thiện thu nhập, đảm bảo đời sống người lao động được ổn định và tăng lên.



Báo cáo quản trị Công ty

Hội đồng quản trị	55
Ban kiểm soát	57
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát	59





DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tại ngày 31/12/2019)

STT	Tên	Chức vụ
1	Ông Lương Minh Nhựt	Chủ tịch Hội đồng quản trị
2	Bà Nguyễn Thị Hồng Vy	Thành viên Hội đồng quản trị
3	Bà Nguyễn Thị Ngọc Trúc	Thành viên Hội đồng quản trị
4	Ông Nguyễn Minh Nhựt	Thành viên Hội đồng quản trị
5	Ông Đào Mạnh Hùng	Thành viên Hội đồng quản trị

DANH SÁCH BAN KIỂM SOÁT (tại ngày 31/12/2019)

1	Bà Nguyễn Thị Diệu Hồng	Trưởng Ban kiểm soát
2	Ông Lại Thanh Nhân	Thành viên Ban kiểm soát
3	Ông Võ Phước Toàn	Thành viên Ban kiểm soát

Chức vụ kiêm nhiệm	Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân	Đại diện phần vốn nhà nước
	46.450 cổ phần	0 cổ phần
Giám đốc	71.200 cổ phần	850.020 cổ phần
Kế toán trưởng	2.000 cổ phần	0 cổ phần
Phó Giám đốc	1.200 cổ phần	0 cổ phần
	0 cổ phần	241.340 cổ phần
	0 cổ phần	0 cổ phần
	2.000 cổ phần	0 cổ phần
	1.100 cổ phần	0 cổ phần



Hội đồng quản trị

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
1	Lương Minh Nhật	Chủ tịch	17/17	100,00%
2	Nguyễn Thị Hồng Vy	Thành viên	17/17	100,00%
3	Nguyễn Thị Ngọc Trúc	Thành viên	17/17	100,00%
4	Nguyễn Minh Nhật	Thành viên	17/17	100,00%
5	Đào Mạnh Hùng	Thành viên	4/17	23,53%

Các nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị

Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
03/QĐ-HĐQT-2019	22/3/2019	Thông qua việc Bổ nhiệm Hà Long Bình - Trưởng phòng Kiểm tra - Khai thác nguồn thu
03A/NĐ-HĐQT-2019	22/3/2019	Thông qua việc Trích dự phòng nợ khó đòi
7A/QĐ-HĐQT-2019	01/4/2019	Thông qua việc Thành lập tổ giúp việc Ban lãnh đạo thực hiện công tác thoái vốn NN
18/NĐ-HĐQT-2019	22/5/2019	Thông qua việc Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019
21/NĐ-HĐQT-2019	31/5/2019	Thông qua việc Chi trả cổ tức năm 2018
28/QĐ-HĐQT-2019	14/10/2019	Thông qua việc Bổ nhiệm Phan Thanh Nhân - Phó Phòng kế toán



Ban kiểm soát

Kiểm soát chặt chẽ hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong các công tác sau:

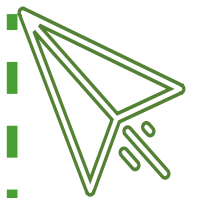
- Giám sát công tác chỉ đạo và điều hành hoạt động của HĐQT và Ban Giám đốc đã đề ra đảm bảo thực hiện đúng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019
- Xem xét tính phù hợp của các Nghị quyết HĐQT trong công tác quản lý điều hành đảm bảo tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật.
- Giám sát hoạt động kinh doanh và kiểm tra tình hình tài chính của Công ty năm 2019.
- Giám sát thực thi công tác công bố thông tin với mục tiêu đảm bảo tính minh bạch về tình hình và hoạt động kinh doanh của Công ty theo đúng quy định của Luật Chứng khoán. Qua đó tạo điều kiện thuận lợi để cổ đông và các nhà đầu tư thực hiện tốt chức năng giám sát, kiểm soát các hoạt động của Công ty.



Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác:

Trong năm 2019, Ban Kiểm soát đã được sự phối hợp chặt chẽ của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong việc cung cấp thông tin liên quan đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, công tác quản trị doanh nghiệp trong các cuộc Hội đồng quản trị cũng như các cuộc họp của Ban Kiểm soát.

HĐQT và Ban Tổng Giám đốc Công ty tạo mọi điều kiện thuận lợi để Ban Kiểm soát thực hiện tốt chức năng kiểm tra, giám sát của mình. Cử các cán bộ chủ chốt của Công ty tham gia các cuộc họp của Ban Kiểm soát để báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh và tài chính, giải trình đầy đủ khi có yêu cầu.



Các cuộc họp của Ban kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
1	Nguyễn Thị Diệu Hồng	Trưởng ban	4/4	100,00%
2	Lại Thanh Nhân	Thành viên	4/4	100,00%
3	Võ Phước Toàn	Thành viên	4/4	100,00%



Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích năm 2019

Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích

STT	Thành viên	Lương	Thưởng thù lao HĐQT - khác
DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ			
1	Lương Minh Nhựt	287.263.706	46.955.000
2	Nguyễn Thị Hồng Vy	284.889.739	44.887.000
3	Nguyễn Thị Ngọc Trúc	230.937.471	43.234.000
4	Nguyễn Minh Nhựt	227.227.260	47.453.000
5	Đào Mạnh Hùng	-	33.784.000
DANH SÁCH BAN KIỂM SOÁT			
1	Nguyễn Thị Diệu Hồng	-	39.840.000
2	Lại Thanh Nhân	118.539.134	46.713.000
3	Võ Phước Toàn	102.744.422	40.322.000
DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH			
1	Nguyễn Thị Hồng Vy	284.889.739	44.887.000
2	Nguyễn Minh Nhựt	227.227.260	47.453.000
3	Nguyễn Thị Ngọc Trúc	230.937.471	43.234.000

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng/giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)	Ngày thực hiện giao dịch
		Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ		
Lương Minh Nhựt	Chủ tịch HĐQT	37.650	2,66%	46.450	3,28%	Đầu tư tài chính của cá nhân	22/8/2019 - 26/8/2019
Nguyễn Thị Hồng Vy	Giám đốc	46.750	3,30%	65.550	4,63%	Đầu tư tài chính của cá nhân	22/8/2019 - 26/8/2019
Nguyễn Thị Hồng Vy	Giám đốc	65.550	4,63%	71.200	5,03%	Đầu tư tài chính của cá nhân	18/11/2019 - 18/12/2019





Báo cáo tài chính kiểm toán 2019

Ý kiến kiểm toán	63
Bảng cân đối kế toán	65
Kết quả hoạt động kinh doanh	67
Lưu chuyển dòng tiền thuần	68
Thuyết minh báo cáo tài chính	70

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ TÂN AN

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đô thị Tân An (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 14 tháng 02 năm 2020 từ trang 05 đến trang 24 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đô thị Tân An tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 03 năm 2020

Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt

Tổng Giám đốc


NGUYỄN MẠNH QUÂN
Giấy CN ĐKHN kiểm toán
Số: 0180-2018-107-1

Kiểm toán viên


PHẠM ĐÔNG SƠN
Giấy CN ĐKHN kiểm toán
Số: 1052-2018-107-1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ TÂN AN
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		29.149.418.735	26.519.244.086
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	15.133.232.407	11.371.460.088
1. Tiền	111		9.133.232.407	10.280.328.844
2. Các khoản tương đương tiền	112		6.000.000.000	1.091.131.244
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		11.045.241.863	10.027.810.189
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	11.277.955.198	10.020.826.165
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3	278.401.765	513.199.424
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.4	(511.115.100)	(506.215.400)
IV. Hàng tồn kho	140		2.956.522.381	4.735.692.462
1. Hàng tồn kho	141	V.5	2.956.522.381	4.735.692.462
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		14.422.084	384.281.347
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	14.422.084	384.281.347
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		10.289.246.439	12.012.779.997
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		7.000.000	7.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216		7.000.000	7.000.000
II. Tài sản cố định	220		8.849.459.859	10.333.491.782
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	8.849.459.859	10.333.491.782
- Nguyên giá	222		22.047.983.514	22.047.983.514
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(13.198.523.655)	(11.714.491.732)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.432.786.580	1.672.288.215
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6	1.432.786.580	1.672.288.215
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		39.438.665.174	38.532.024.083

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ TÂN AN
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		12.997.239.930	9.625.818.388
I. Nợ ngắn hạn	310		12.073.239.930	8.516.818.388
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.8	6.873.078.804	5.824.321.414
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.9	173.539.000	312.408.800
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	1.311.188.327	729.441.918
4. Phải trả người lao động	314		2.806.510.010	1.363.743.621
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		603.947.622	89.760.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11	75.404.342	90.270.000
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		229.571.825	106.872.635
II. Nợ dài hạn	330		924.000.000	1.109.000.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.8	924.000.000	1.109.000.000
D. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		26.441.425.244	28.906.205.695
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.12	26.441.425.244	28.906.205.695
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		14.167.000.000	14.167.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		14.167.000.000	14.167.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		8.208.164.485	7.349.687.352
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.066.260.759	7.389.518.343
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	3.101.482.737
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		4.066.260.759	4.288.035.606
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		39.438.665.174	38.532.024.083

TP. Tân An, ngày 14 tháng 02 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Phan Thanh Nhân



Nguyễn Thị Ngọc Trúc



Nguyễn Thị Hồng Vy

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ TÂN AN
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Mẫu số B 02 - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	103.539.987.266	89.635.265.423
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		103.539.987.266	89.635.265.423
4. Giá vốn hàng bán	11		89.827.982.928	76.574.632.666
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		13.712.004.338	13.060.632.757
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.2	49.769.206	119.466.999
7. Chi phí tài chính	22		-	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		93.593.433	74.222.137
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.3	8.455.343.535	7.719.209.813
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.212.836.576	5.386.667.806
11. Thu nhập khác	31		141.936.903	52.113.550
12. Chi phí khác	32		173.230.522	15.980.519
13. Lợi nhuận khác	40		(31.293.619)	36.133.031
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.181.542.957	5.422.800.837
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.4	1.115.282.198	1.134.765.231
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4.066.260.759	4.288.035.606
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	VI.5	2.440	2.573
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71	VI.5	2.440	2.573

TP. Tân An, ngày 14 tháng 02 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Phan Thanh Nhân

Nguyễn Thị Ngọc Trúc

Nguyễn Thị Hồng Vy

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ TÂN AN
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		5.181.542.957	5.422.800.837
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	V.7	1.484.031.923	1.637.535.769
- Các khoản dự phòng	03	VI.3	4.899.700	280.629.258
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.2	(49.769.206)	(119.466.999)
3. Lợi nhuận từ HĐ kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		6.620.705.374	7.221.498.865
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1.022.331.374)	170.844.188
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.779.170.081	(2.519.438.918)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(991.827.968)	2.785.601.175
- Tăng giảm chi phí trả trước	12		609.360.898	(1.029.582.625)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.10	(1.284.765.231)	(945.112.874)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(249.229.000)	(653.241.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		5.461.082.780	5.030.568.211
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(185.000.000)	(3.060.954.546)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.2	49.769.206	119.466.999
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(135.230.794)	(2.941.487.547)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ TÂN AN
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-
 BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.564.079.667)	(2.422.556.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.564.079.667)	(2.422.556.800)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		3.761.772.319	(333.476.136)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	11.371.460.088	11.704.936.224
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	15.133.232.407	11.371.460.088

TP. Tân An, ngày 14 tháng 02 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc






Phan Thanh Nhân

Nguyễn Thị Ngọc Trúc

Nguyễn Thị Hồng Vy

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ TÂN AN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09 - DN
 Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đô thị Tân An (dưới đây gọi tắt là Công ty) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1100209487 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 11 năm 2009, thay đổi lần thứ 1 ngày 06 tháng 08 năm 2010, thay đổi lần thứ 2 ngày 14 tháng 10 năm 2013, thay đổi lần thứ 3 ngày 17 tháng 12 năm 2013, thay đổi lần thứ 4 ngày 25 tháng 03 năm 2015 và thay đổi lần thứ 5 ngày 23 tháng 11 năm 2015.

2. Trụ sở chính đặt tại số 8, Tỉnh lộ 827, Phường 7, Thành phố Tân An, Tỉnh Long An.

3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, hoạt động của Công ty là:

- Thu gom, vận hành, xử lý rác thải đô thị và xử lý nước thải công nghiệp;
- Tư vấn thiết kế xây dựng dân dụng, chiếu sáng đô thị, công trình giao thông, công viên, cây xanh đô thị;
- Xây dựng, vận hành hệ thống: Cấp nước, thoát nước đô thị, công viên, cây xanh đô thị, chiếu sáng đô thị, đèn tín hiệu giao thông và điện trung hạ thế; Quản lý, duy tu và xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị;
- Mua, bán phân bón cây kiểng; Mua, bán công cụ làm vườn; Mua, bán và nhận ký gởi cây kiểng, hòn non bộ;
- Xử lý môi trường;
- Quản lý nghĩa trang nhân dân, dịch vụ tang lễ;
- Cho thuê mặt bằng, dịch vụ vui chơi, giải trí và kinh doanh nhà hàng, khách sạn;
- Dịch vụ chăm sóc cây cảnh sân vườn;
- Dịch vụ dọn dẹp vệ sinh, lắp đặt, sửa chữa hệ thống điện, nước hộ gia đình, cơ quan, doanh nghiệp;
- Kinh doanh xăng dầu.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán là sổ nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc, được soạn lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

2. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền : Bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Tương đương tiền: Là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nợ phải thu là các khoản phải thu khách hàng, trả trước cho người bán hoặc phải thu các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính, và được phân loại:

- Có thời hạn thu hồi không quá 01 năm kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi từ 01 năm trở lên kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đúng hạn hoặc không có khả năng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, và được áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

5. Các chính sách đối với hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được xác định là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng vào thời điểm kết thúc năm tài chính, và được áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

6. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Nguyên tắc ghi nhận giá trị tài sản cố định hữu hình

Giá trị ban đầu của tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, sau khi ghi nhận ban đầu, trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, khấu hao lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Phương pháp khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính được áp dụng theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao của một số nhóm tài sản cụ thể như sau.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ TÂN AN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mẫu số B09 - DN
 Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Loại tài sản cố định	Năm khấu hao
- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 40 năm
- Phương tiện vận tải	10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	10 năm

7. Phương pháp phân bổ chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các chi phí này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp, và được phân bổ theo đường thẳng trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

8. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa, và được phân loại khi lập Báo cáo tài chính, cụ thể:

- Có thời hạn thanh toán dưới không quá 01 năm kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là nợ ngắn hạn;
- Có thời hạn thanh toán từ 01 năm trở lên kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là nợ dài hạn.

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng nếu Công ty có bằng chứng đáng tin cậy về chi phí ước tính phải chịu trong tương lai thì được trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí, nhằm giảm sự gia tăng chi phí đột biến khi chi phí phát sinh thực tế. Chênh lệch (nếu có) giữa chi phí phát sinh thực tế với số đã trích, sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh năm phát sinh chi phí thực tế.

9. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi trích lập các quỹ theo quy định của Điều lệ công ty cũng như các quy định pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Điều lệ Công ty năm 2018 quy định Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề sau: “Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng Quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.”

10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận thỏa mãn các nguyên tắc sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ TÂN AN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09 - DN
 Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Cổ tức, lợi nhuận được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc đã thực thu tiền.

11. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm số thuế phải trả hiện tại và số thuế thu nhập hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất trong năm. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh do điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế hay các chi phí không được khấu trừ. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định thuế đối với các nghiệp vụ khác nhau có thể được hiểu theo nhiều cách khác nhau, do vậy, các số liệu thuế thể hiện trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	699.362.010	337.056.451
Tiền gửi ngân hàng	8.433.870.397	9.943.272.393
Các khoản tương đương tiền	6.000.000.000 (*)	1.091.131.244
Cộng	15.133.232.407	11.371.460.088

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ TÂN AN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mẫu số B09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ TÂN AN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mẫu số B09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Long An.

2. Phải thu khách hàng ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bệnh viện Đa khoa Long An	170.164.030	498.220.685
Công ty Cổ phần Đồng Tâm	250.000.000	250.000.000
Phòng Quản lý Đô thị Thành phố Tân An	6.914.448.750	8.034.473.828
Công ty TNHH Xây dựng TM Việt Thành Phát	219.500.000	114.780.000
Khách hàng khác	3.723.842.418	1.123.351.652
Cộng	11.277.955.198	10.020.826.165

3. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	278.104.765	241.269.765
Quỹ khen thưởng chi vượt	-	271.929.659
Phải thu khác	297.000	-
Cộng	278.401.765	513.199.424

4. Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	506.215.400	225.586.142
Số trích lập	108.667.500	280.629.258
Số hoàn nhập	(103.767.800)	-
Số dư cuối năm	511.115.100	506.215.400

5. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	750.025.286	809.877.961
Công cụ, dụng cụ	267.064.511	325.445.251
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	407.605.000
Hàng hóa	1.939.432.584	3.156.911.281
Hàng gửi đi bán	-	35.852.969
Cộng	2.956.522.381	4.735.692.462

6. Chi phí trả trước

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Phân bổ trong năm	Số cuối năm
Chi phí trả trước ngắn hạn	384.281.347	32.125.000	401.984.263	14.422.084
Chi phí trả trước dài hạn	1.672.288.215	1.640.293.096	1.879.794.731	1.432.786.580
Cộng	2.056.569.562	1.672.418.096	2.281.778.994	1.447.208.664

7. Tài sản cố định hữu hình

Chi tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ*				
Số đầu năm	2.901.444.722	19.113.768.591	32.770.201	22.047.983.514
Tăng trong năm	-	-	-	-
Mua sắm	-	-	-	-
Giảm thanh lý	-	-	-	-
Số cuối năm	2.901.444.722	19.113.768.591	32.770.201	22.047.983.514
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số đầu năm	555.160.659	11.131.611.578	27.719.495	11.714.491.732
Khấu hao trong năm	110.257.352	1.371.589.891	2.184.680	1.484.031.923
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	665.418.011	12.503.201.469	29.904.175	13.198.523.655
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	2.346.284.063	7.982.157.013	5.050.706	10.333.491.782
Số cuối năm	2.236.026.711	6.610.567.122	2.866.026	8.849.459.859

Nguyên giá tài sản hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 3.098.132.031 đồng.

8. Phải trả người bán ngắn hạn và dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán ngắn hạn	6.873.078.804	5.824.321.414
Doanh nghiệp tư nhân Huỳnh Hiệp	616.565.000	1.063.573.000
Phòng tài chính Thành phố Tân An	185.000.000 (*)	185.000.000
Công ty Cổ phần Kỹ Thuật Đông Phương	210.285.328	-
Công ty CP ĐT PT Tâm Sinh Nghĩa	4.660.816.000	3.694.896.000
Các nhà cung cấp khác	1.200.412.476	880.852.414
Phải trả người bán dài hạn	924.000.000	1.109.000.000
Phòng tài chính Thành phố Tân An	924.000.000 (*)	1.109.000.000
Cộng	7.797.078.804	6.933.321.414

(*) Là khoản phải trả tiền mua xe trả chậm của Phòng Tài chính Thành phố Tân An.

9. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH TM DV Quảng cáo Tây Nam Bộ	163.539.000	-
Phòng Tài chính Kế hoạch TP Tân An	-	187.575.800
Các khách hàng khác	10.000.000	124.833.000
Cộng	173.539.000	312.408.800

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Phải nộp	Đã nộp	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	271.654.549	3.679.457.360	2.929.315.433	1.021.796.476

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ TÂN AN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mẫu số B09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Thuế thu nhập doanh nghiệp	457.787.369	1.116.369.713	1.284.765.231	289.391.851
Thuế thu nhập cá nhân	-	199.061.115	199.061.115	-
Cộng	729.441.918	4.994.888.188	4.413.141.779	1.311.188.327

11. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thu hộ đất nghĩa trang	74.000.000	74.000.000
Cổ tức phải trả	894.822	-
Khác	509.520	16.270.000
Cộng	75.404.342	90.270.000

12. Vốn chủ sở hữu

a/ Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	14.167.000.000	7.349.687.352	-	21.516.687.352
Tăng trong năm (*)	-	-	7.389.518.343	7.389.518.343
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	14.167.000.000	7.349.687.352	7.389.518.343	28.906.205.695
Số dư đầu năm nay	14.167.000.000	7.349.687.352	7.389.518.343	28.906.205.695
Tăng trong năm	-	-	4.066.260.759	4.066.260.759
Giảm trong năm	-	-	7.389.518.343	7.389.518.343
Số dư cuối năm nay	14.167.000.000	7.349.687.352	4.066.260.759	26.441.425.244

b/ Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị
Vốn góp của Nhà nước	60,00%	8.500.200.000	60,00%	8.500.200.000
Cổ đông khác	40,00%	5.666.800.000	40,00%	5.666.800.000
Cộng	100,00%	14.167.000.000	100,00%	14.167.000.000

c/ Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.416.700	1.416.700
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.416.700	1.416.700
+ Cổ phiếu phổ thông	1.416.700	1.416.700
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.416.700	1.416.700
+ Cổ phiếu phổ thông	1.416.700	1.416.700
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phần)	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ TÂN AN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mẫu số B09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Dịch vụ xây dựng	4.621.340.001	3.453.359.091
Dịch vụ công ích	40.004.391.995	32.726.860.543
Doanh thu xăng dầu	37.831.339.986	35.158.164.147
Doanh thu phí rác sinh hoạt	17.481.436.124	15.485.280.897
Khác	3.601.479.160	2.811.600.745
Cộng	103.539.987.266	89.635.265.423

2. Doanh thu hoạt động tài chính là lãi tiền gửi ngân hàng.

3. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	4.765.634.762	4.400.438.589
Chi phí vật liệu quản lý	112.817.207	100.305.685
Chi phí đồ dùng văn phòng	68.955.456	66.897.255
Chi phí khấu hao tài sản cố định	112.442.032	112.442.032
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	-
Chi phí dự phòng	4.899.700	280.629.258
Chi phí dịch vụ mua ngoài	145.800.794	291.926.735
Chi phí bằng tiền khác	3.241.793.584	2.466.570.259
Cộng	8.455.343.535	7.719.209.813

4. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	5.181.542.957	5.422.800.837
Các khoản điều chỉnh để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Các khoản điều chỉnh tăng	394.868.034	251.025.318
- Các khoản chi phí không được trừ	394.868.034	251.025.318
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
- Các khoản chi mang tính phúc lợi được trừ	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	5.576.410.991	5.673.826.155
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh trong năm	1.115.282.198	1.134.765.231
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.115.282.198	1.134.765.231

5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.066.260.759	4.288.035.606
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ TÂN AN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019
(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mẫu số B09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

	Năm nay	Năm trước
Các khoản điều chỉnh giảm (*)	609.939.114	643.205.341
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.456.321.645	3.644.830.265
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.416.700	1.416.700
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.440	2.573
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.440	2.573

(*) Bao gồm phần lợi nhuận sau thuế phân phối cho các bên không phải Cổ đông của Công ty và phần lợi nhuận sau thuế trích vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2019 chưa được phân phối, do vậy, khoản điều chỉnh giảm kỳ này được xác định trên cơ sở tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo tỷ lệ năm trước.

6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên, vật liệu trực tiếp	5.700.312.761	3.498.378.726
Chi phí nhân công	23.918.814.017	20.927.148.665
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.484.031.923	1.637.535.769
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.619.351.430	1.091.023.364
Chi phí bằng tiền khác	3.258.149.861	3.863.371.017
Cộng	38.980.659.992	31.017.457.541

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán. Tuy nhiên, khoản mục lãi cơ bản trên cổ phiếu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 được điều chỉnh lại do Công ty phân phối lợi nhuận năm 2018 theo Nghị quyết số 18/NQ-ĐHĐCD 2019 ngày 22 tháng 05 năm 2019, cụ thể như sau:

Khoản mục	Mã số	Năm trước (Trước điều chỉnh)	Năm trước (Sau điều chỉnh)	Chênh lệch
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	2.554	2.573	(19)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ TÂN AN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019
(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

2. Thông tin về các bên có liên quan

2.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan đến các thành viên chủ chốt

Trong năm 2019 Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên chủ chốt khác.

Thu nhập của các thành viên chủ chốt, chi tiết gồm:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	1.030.318.176	1.210.000.000
Thù lao, thưởng khác	286.022.200	262.944.000
Cộng	1.316.340.376	1.472.944.000

2.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác: Không phát sinh giao dịch với các bên liên quan.

3. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và địa lý. Báo cáo bộ phận chủ yếu là theo lĩnh vực kinh doanh.

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu:

- Dịch vụ công ích đô thị;
- Xây dựng công trình giao thông, công viên, hệ thống cấp thoát nước đô thị.

Các chỉ tiêu	Kinh doanh xăng dầu	Dịch vụ xây dựng	Dịch vụ công ích	Xử lý rác	Hoạt động khác	Cộng
Năm nay						
Doanh thu thuần	37.831.339.986	4.621.340.001	40.004.391.995	17.481.436.124	3.601.479.160	103.539.987.266
Giá vốn	37.355.460.898	3.273.801.173	31.445.033.447	15.815.018.424	1.938.668.986	89.827.982.928
Lãi gộp	475.879.088	1.347.538.828	8.559.358.548	1.666.417.700	1.662.810.174	13.712.004.338
Năm trước						
Doanh thu thuần	35.158.164.147	3.453.359.091	32.726.860.543	15.485.280.897	2.811.600.745	89.635.265.423
Giá vốn	34.260.908.550	3.077.642.453	25.184.969.211	13.260.774.545	790.337.907	76.574.632.666
Lãi gộp	897.255.597	375.716.638	7.758.761.277	2.224.506.352	2.021.262.838	13.060.632.757

4. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ TÂN AN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mẫu số B09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Giám đốc đã ban hành quy chế bán hàng với quy định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ quy chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên văn phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại ngân hàng trong nước. Ban Giám đốc Công ty không nhận thấy rủi ro tín dụng nào từ các khoản tiền gửi ngân hàng.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh VII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.133.232.407	-	-	-	15.133.232.407
Phải thu khách hàng	11.277.955.198	-	-	-	11.277.955.198
Phải thu ngắn hạn khác	278.401.765	-	-	-	278.401.765
Cộng	26.689.589.370	-	-	-	26.689.589.370
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.371.460.088	-	-	-	11.371.460.088
Phải thu khách hàng	10.020.826.165	-	-	-	10.020.826.165
Phải thu ngắn hạn khác	513.199.424	-	-	-	513.199.424
Cộng	21.905.485.677	-	-	-	21.905.485.677

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ TÂN AN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mẫu số B09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của các luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phát sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả người bán	6.873.078.804	740.000.000	184.000.000	7.797.078.804
Các khoản phải trả khác	75.404.342	-	-	75.404.342
Cộng	6.948.483.146	740.000.000	184.000.000	7.872.483.146
Số đầu năm				
Phải trả người bán	5.824.321.414	925.000.000	184.000.000	6.933.321.414
Các khoản phải trả khác	90.270.000	-	-	90.270.000
Cộng	5.914.591.414	925.000.000	184.000.000	7.023.591.414

Ban Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là vừa phải. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: Rủi ro lãi suất và rủi ro giá nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, giá nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn có lãi suất thả nổi.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ TÂN AN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019
(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do không phát sinh các khoản vay và tiền gửi ngân hàng có lãi suất cố định trong thời gian gửi.

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Số cuối năm		Số đầu năm		Giá trị hợp lý	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.133.232.407		11.371.460.088		15.133.232.407	11.371.460.088
Phải thu khách hàng	11.277.955.198	(511.115.100)	10.020.826.165	(506.215.400)	10.766.840.098	9.514.610.765
Phải thu ngắn hạn khác	278.401.765		513.199.424		278.401.765	513.199.424
Cộng	26.689.589.370	(511.115.100)	21.905.485.677	(506.215.400)	26.178.474.270	21.399.270.277

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	7.797.078.804	6.933.321.414	7.797.078.804	6.933.321.414
Các khoản phải trả khác	75.404.342	90.270.000	75.404.342	90.270.000
Cộng	7.872.483.146	7.023.591.414	7.872.483.146	7.023.591.414

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ TÂN AN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019
(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

6. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Công ty không có sự kiện đáng chú ý nào xảy ra kể từ ngày lập báo cáo tài chính này có thể làm sai lệch các số liệu được trình bày trên báo cáo tài chính của Công ty.

TP. Tân An, ngày 14 tháng 02 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Phan Thanh Nhân

Nguyễn Thị Ngọc Trúc

Nguyễn Thị Hồng Vy



TM. NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
CÓ PHẦN
ĐỒ THỊ
TÂN AN
TP. TÂN AN, LONG AN

(Handwritten signature)

Nguyễn Thị Hồng Vy